



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

17

Tháng 9 - 2014

HỘI THẢO GIỚI THIỆU CƠ HỘI ĐẦU TƯ VÀO CU-BA

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2014



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng và Bộ trưởng Bộ Ngoại thương và Đầu tư nước ngoài Cu-ba Rodrigo Malmierca Diaz chủ trì Hội thảo



Các đại biểu tham dự Hội thảo

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI LĂM

17

SỐ 17 - 9/2014

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 1469/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 5
- Quyết định số 1536/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035 8

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang 9
- Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Quy định về thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang 11
- Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế 12



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

(Trưởng ban)

CN. BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

ThS. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu xây dựng Chương trình đào tạo kỹ sư xây dựng công trình theo hướng tiên tiến và hội nhập quốc tế (MS: RD 29 - 09) 15
- Nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế: Điều tra, khảo sát nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực kỹ thuật điện đô thị, kỹ thuật hạ tầng đô thị đáp ứng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng giai đoạn 2011 - 2020 16
- Công nghệ xây tường ngoài đa lớp toàn khối với lớp cách nhiệt bằng bê tông có tính dẫn nhiệt thấp 18
- Các tiêu chuẩn thiết kế kết cấu công trình dân dụng - các thiết kế dựa trên sự làm việc và độ tin cậy và xu hướng phát triển 20
- Kiến trúc thông minh cần được xử lý tốt 4 mối quan hệ lớn 24
- Các vấn đề sinh thái của năng lượng tái tạo 27
- Vấn đề tiết kiệm năng lượng giảm phát thải trong ngành điện lực và biện pháp ứng phó 31

Thông tin

- Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tiếp Bộ trưởng Bộ Ngoại thương và Đầu tư nước ngoài Cu-ba Rodrigo Malmierca Diaz 35
- Hội nghị lần thứ I - Ban chỉ đạo Chương trình Phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020 36
- Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội làm việc về tình hình phát triển nhà ở xã hội và cải tạo nhà chung cư cũ trên địa bàn thành phố 38
- Hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư vào Cu-ba 40
- Kinh nghiệm về hệ thống tài chính nhà ở của một số nước trên thế giới 43
- Tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc: Đẩy mạnh tận dụng tổng hợp nước mưa tại đô thị 45
- Những lý do khiến các nhà phát triển nhà ở Trung Quốc không giảm giá 47

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 1469/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

Ngày 22/8/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1469/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 với quan điểm: Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng hướng tới phát triển ổn định, bền vững trên cơ sở sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường, đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước và tham gia xuất khẩu; đầu tư phát triển các cơ sở sản xuất vật liệu, cơ sở chế biến nguyên liệu chuyên nghiệp theo hướng tập trung, quy mô lớn, đầu tư chiều sâu, nâng cấp công nghệ cũ, ứng dụng công nghệ hiện đại, tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm; nghiên cứu, phát triển các loại vật liệu mới đáp ứng nhu cầu sử dụng đa dạng của thị trường và nền kinh tế, từng bước hội nhập khoa học và công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng quốc tế, nâng cao trình độ nghiên cứu trong nước, rút ngắn khoảng cách về công nghệ với thế giới; nghiên cứu sử dụng các loại chất thải làm nguyên, nhiên liệu sản xuất vật liệu xây dựng; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, sản xuất vật liệu xây dựng; phát triển cơ khí chế tạo cho công nghiệp vật liệu xây dựng.

Mục tiêu của Quy hoạch là phát triển các loại hình sản phẩm vật liệu xây dựng đáp ứng đủ nhu cầu thị trường trong nước và tham gia xuất khẩu; xác định nhu cầu từng loại vật liệu xây dựng theo giai đoạn làm cơ sở cho việc lập quy hoạch phát triển sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu và quy

hoạch phát triển vật liệu xây dựng địa phương; lựa chọn quy mô đầu tư hợp lý, tiếp tục phát triển sản xuất các sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường; đến năm 2020, ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng đạt công nghệ sản xuất tiên tiến, sản phẩm chất lượng cao, tiêu hao nguyên liệu và năng lượng thấp, đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường.

Quy hoạch này đã dự báo nhu cầu một số loại vật liệu xây dựng trong nước. Cụ thể, nhu cầu xi măng, vật liệu ốp lát, sứ vệ sinh, kính xây dựng, vật liệu xây, vật liệu lọc (xi măng cốt sợi), đá xây dựng, cát xây dựng và vôi trong nước năm 2015 và năm 2020 lần lượt là 56 và 93 triệu tấn, 320 và 470 triệu m², 12,69 và 20,68 triệu sản phẩm, 80 và 110 triệu m², 26 và 30 tỉ viên, 96,3 và 106,5 triệu m², 125 và 181 triệu m³, 92 và 130 triệu m³, 3,9 và 5,7 triệu tấn. Trên cơ sở năng lực sản xuất, chất lượng các sản phẩm vật liệu xây dựng trong nước và nghiên cứu tình hình thị trường tiêu thụ sản phẩm vật liệu xây dựng của các nước trong khu vực và trên thế giới, dự kiến một số sản phẩm có lợi thế với tỉ lệ xuất khẩu như sau: Xi măng khoảng 20 - 30%, vật liệu ốp lát khoảng 25 - 30%, kính phẳng khoảng 20 - 30%, sứ vệ sinh khoảng 30 - 40%, vôi khoảng 30 - 50% so với tổng công suất thiết kế của mỗi loại.

Cụ thể, đối với xi măng, tổng công suất thiết kế các nhà máy xi măng đến năm 2015 khoảng 80 - 90 triệu tấn/năm, tổng công suất thiết kế các nhà máy xi măng đến năm 2020 khoảng 120 - 130 triệu tấn/năm. Công suất thiết kế 1

dây chuyền sản xuất không nhỏ hơn 2.500 tấn clanke/ngày. Công nghệ tiên tiến, tự động hóa cao, tiết kiệm tối đa nguyên, nhiên liệu, năng lượng. Đầu tư đồng bộ hệ thống tận dụng nhiệt khí thải lò nung để phát điện và sử dụng nhiên liệu thay thế... Nâng cao chất lượng sản phẩm xi măng, đa dạng hóa các chủng loại xi măng đáp ứng các nhu cầu xây dựng đặc biệt như: Xi măng mác cao, xi măng cho công trình biển, xi măng giếng khoan dầu khí, xi măng bền xâm thực và các loại xi măng khác. Tiêu hao nhiệt năng không quá 730 kcal/kg clanke, tiêu hao điện năng không quá 90 kWh/tấn xi măng, nồng độ bụi phát thải không quá 30 mg/Nm³. Định hướng đầu tư phát triển xi măng trong từng giai đoạn phù hợp với Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam và Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng. Tổng công suất thiết kế tối đa cho xi măng phù hợp từng vùng kinh tế được quy định trong Phụ lục.

Đối với vật liệu ốp lát, tổng công suất thiết kế các nhà máy sản xuất vật liệu ốp lát đến năm 2015 khoảng 450 triệu m²/năm, tổng công suất thiết kế các nhà máy sản xuất vật liệu ốp lát đến năm 2020 khoảng 570 triệu m²/năm. Công suất thiết kế 1 dây chuyền sản xuất gạch gốm ốp lát không dưới 6 triệu m²/năm. Công suất của 1 cơ sở khai thác đá khối không dưới 3.000 m³/năm và 1 cơ sở sản xuất đá ốp lát không dưới 20.000 m²/năm. Tiêu hao nhiệt năng của gạch ceramic không quá 1.600 kcal/kg sản phẩm, của gạch granit không quá 2.000 kcal/kg sản phẩm, của gạch cotto không quá 1.800 kcal/kg sản phẩm. Tiêu hao điện năng của gạch ceramic không quá 0,12 kWh/kg sản phẩm, gạch granit không quá 0,40 kWh/kg sản phẩm, gạch cotto không quá 0,15 kWh/kg sản phẩm, đá ốp lát tự nhiên không quá 0,3 kWh/tấn sản phẩm. Đối với gạch gốm ốp lát có thể sản xuất nhiều loại sản phẩm với kích thước lớn, đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. Đối với đá ốp lát tự nhiên,

công nghệ khai thác hiện đại, hạn chế tối đa việc nổ mìn khai thác. Đầu tư thiết bị chế biến hiện đại có thể cưa cắt các tấm đá kích thước lớn, nâng cao tỉ lệ thu hồi sản phẩm, có hệ thống mài và đánh bóng tự động. Đối với gạch gốm ốp lát từ nay đến năm 2015 không đầu tư mở rộng và đầu tư mới các cơ sở sản xuất gạch gốm ốp lát; giai đoạn 2016 - 2020 tiếp tục đầu tư mở rộng và đầu tư mới các cơ sở sản xuất gạch gốm ốp lát để đạt tổng công suất thiết kế trên toàn quốc đạt 570 triệu m²/năm. Chuyển môn hóa khâu sản xuất nguyên liệu cho gạch gốm ốp lát. Đối với đá ốp lát tự nhiên từ nay đến năm 2015 tiếp tục đầu tư mở rộng và đầu tư mới các cơ sở chế biến đá ốp lát để đạt tổng công suất thiết kế trên toàn quốc đạt 15 triệu m²/năm. Giai đoạn 2016 - 2020 tiếp tục đầu tư mở rộng và đầu tư mới các cơ sở chế biến đá ốp lát để có tổng công suất thiết kế trên toàn quốc đạt 30 triệu m²/năm (chiếm tỉ trọng khoảng 5% tổng công suất thiết kế vật liệu ốp lát) việc đầu tư mới các cơ sở khai thác phải gắn với cơ sở chế biến sâu. Khuyến khích các cơ sở sản xuất đá ốp lát liên kết với các cơ sở sản xuất bột đá các bon nát can xi nhằm tận dụng nguyên liệu dư thừa, giảm phế thải và giảm ô nhiễm môi trường. Tổng công suất thiết kế tối đa cho vật liệu ốp lát theo từng vùng kinh tế được quy định trong Phụ lục.

Đối với sứ vệ sinh, tổng công suất thiết kế các nhà máy sản xuất sứ vệ sinh đến năm 2015 khoảng 15 triệu sản phẩm/năm, và đến năm 2020 khoảng 21 triệu sản phẩm/năm. Công suất 1 dây chuyền của công nghệ sản xuất không nhỏ hơn 0,3 triệu sản phẩm/năm. Mức tiêu hao nhiệt năng không quá 3.000 kcal/kg sản phẩm, tiêu hao điện năng không quá 0,55 kWh/kg sản phẩm. Công nghệ sản xuất hiện đại, tiên tiến, mức độ tự động hóa cao, tiêu hao ít nhiên liệu. Sản xuất đa dạng các chủng loại sản phẩm đáp ứng được yêu cầu cao của thị trường trong nước và xuất khẩu. Từ nay đến năm 2015 không đầu tư mở rộng và đầu tư mới

các cơ sở sản xuất sứ vệ sinh. Giai đoạn 2016 - 2020 tiếp tục đầu tư các cơ sở sản xuất sứ vệ sinh để tổng công suất thiết kế trên toàn quốc đạt khoảng 21 triệu sản phẩm/năm. Chuyên môn hóa khâu sản xuất nguyên liệu cho sứ vệ sinh. Các dự án đầu tư cụ thể theo Quy hoạch sắp xếp và định hướng phát triển công nghiệp sản xuất gốm sứ xây dựng và đá ốp lát Việt Nam. Tổng công suất thiết kế tối đa cho sứ vệ sinh theo từng vùng kinh tế được quy định trong Phụ lục.

Đối với kính phẳng, tổng công suất thiết kế các nhà máy sản xuất kính phẳng hiện nay khoảng 180 triệu m² quy tiêu chuẩn/năm. Mức tiêu hao nhiệt năng không quá 2.000 kcal/kg sản phẩm, tiêu hao điện năng không quá 100 kWh/tấn sản phẩm. Từ nay đến năm 2020 không đầu tư mới, đầu tư mở rộng các cơ sở sản xuất kính xây dựng thông thường. Đối với các dự án sản xuất kính đặc chủng, chỉ được phép đầu tư khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận. Khuyến khích các nhà máy nghiên cứu đầu tư chiều sâu, cải tiến công nghệ để giảm tiêu hao nguyên, nhiên liệu trong sản xuất, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm, giảm ô nhiễm môi trường và đầu tư công nghệ gia công sau kính.

Đối với vật liệu xây (gạch đất sét nung và vật liệu xây không nung) tổng công suất thiết kế các nhà máy sản xuất vật liệu xây đến năm 2015 đạt khoảng 26 tỉ viên quy tiêu chuẩn, và đến năm 2020 đạt khoảng 30 tỉ viên quy tiêu chuẩn. Công suất thiết kế 1 dây chuyền sản xuất gạch đất sét nung bằng lò tụy nen không nhỏ hơn 20 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm. Đối với các tỉnh miền núi có thể đầu tư dây chuyền sản xuất gạch đất sét nung bằng lò tụy nen với công suất 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm. Gạch bê tông cốt liệu và bê tông bọt có thể sử dụng các dây chuyền quy mô công suất khác nhau, nhưng phải đảm bảo chất lượng sản phẩm và môi trường. Công suất thiết kế của 1 dây chuyền công nghệ sản xuất bê tông khí

chưng áp không nhỏ hơn 100.000 m³/năm. Mức tiêu hao nhiệt năng và điện năng của gạch đất sét nung không quá 360 kcal/kg và 0,022 kWh/kg. Đối với bê tông khí chưng áp, tiêu hao nhiệt năng chưng hấp không quá 1.624 kcal/m³ sản phẩm, tiêu hao điện năng không quá 30 kWh/m³ sản phẩm. Gạch đất sét nung không đầu tư các loại lò thủ công, lò đứng liên tục, lò vòng sử dụng nhiên liệu hóa thạch; khuyến khích đầu tư công nghệ sản xuất gạch đất sét nung kích thước lớn, độ rỗng cao để tiết kiệm tài nguyên, giảm ô nhiễm môi trường. Vật liệu xây không nung đầu tư dây chuyền sản xuất đồng bộ có mức độ cơ giới hóa và tự động hóa cao, tiết kiệm năng lượng. Đối với các cơ sở đang sản xuất gạch đất sét nung bằng lò tụy nen, phải tiếp tục đầu tư hoàn thiện và cải tiến công nghệ để giảm tiêu hao nguyên, nhiên liệu, tiết kiệm tài nguyên; đối với các tỉnh miền Nam khuyến khích đầu tư công nghệ lò tụy nen sử dụng nhiên liệu trấu và mùn cưa. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải xây dựng và ban hành lộ trình chấm dứt hoạt động của các loại lò sử dụng công nghệ lạc hậu. Từ nay đến năm 2015 tiếp tục đầu tư mới và đầu tư mở rộng các cơ sở sản xuất vật liệu xây không nung để có tổng công suất thiết kế trên toàn quốc đạt khoảng 6 tỉ viên quy tiêu chuẩn. Giai đoạn 2016 - 2020 tiếp tục đầu tư mới và đầu tư mở rộng các cơ sở sản xuất vật liệu xây không nung để đạt tổng công suất thiết kế trên toàn quốc đạt khoảng 13 tỉ viên quy tiêu chuẩn/năm.

Ngoài ra, Quy hoạch cũng nêu rõ các chỉ tiêu quy hoạch đối với vật liệu lợp, vôi, đá xây dựng, cát xây dựng, bê tông, tấm thạch cao; định hướng phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2030 và quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan trong việc thực hiện Quy hoạch.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 1536/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035

Ngày 28/8/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1536/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035 với quan điểm: Xây dựng thành phố Thái Nguyên phát triển năng động, thịnh vượng và bền vững, phù hợp với định hướng quy hoạch tổng thể phát triển của vùng và khu vực; xây dựng chiến lược phát triển, định hướng không gian phù hợp, khai thác hợp lý các giá trị tiềm năng, hình thành những động lực thúc đẩy phát triển thành phố, tạo điều kiện phát triển hệ thống đô thị toàn tỉnh; đề xuất những giải pháp về định hướng phát triển không gian và biện pháp thực hiện để phát huy tiềm năng và thế mạnh của thành phố, tạo điều kiện cho các dự án đầu tư phát triển.

Quyết định này đã phê duyệt nội dung nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch. Cụ thể, đối với nội dung khảo sát và đánh giá hiện trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và thực trạng của quy hoạch đô thị, cần phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội, dân số, lao động, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và các yếu tố khác có liên quan, phân tích khả năng cân đối quỹ đất phát triển giữa thành phố Thái Nguyên và các đơn vị hành chính lân cận; đánh giá việc thực hiện các quy hoạch đã được duyệt về các mặt: Hiện trạng cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, không gian kiến trúc, cảnh quan, nguồn lực thực hiện và hiệu quả đầu tư...; phân tích vai trò, vị thế của thành phố trong mối quan hệ vùng, xu hướng phát triển của thế giới, quốc gia, vùng đối với thành phố Thái Nguyên; dự báo tăng trưởng về kinh tế, xã hội, dân số, lao động, đất đai, tiềm năng khai thác quỹ đất xây

dựng đô thị, xây dựng các kịch bản và chiến lược phát triển thành phố.

Đối với nội dung định hướng phát triển không gian đô thị, cần nghiên cứu và đề xuất mô hình phát triển không gian đô thị, có sự chuyển tiếp hài hòa giữa các khu đô thị hiện hữu và các khu đô thị mới; đề xuất các phương án phân khu chức năng, xác định phạm vi, quy mô, các chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng đô thị. Cụ thể, đối với khu vực nội thị trung tâm, rà soát và kiểm tra việc gắn kết, đề xuất điều chỉnh, bổ sung. Đối với khu vực phía Nam, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cấp, cải tạo các khu ở hiện có kết hợp hài hòa các khu dân cư mới, giải pháp bảo vệ môi trường đối với khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên. Đối với khu vực phía Bắc, phát triển các khu trung tâm công cộng cấp đô thị, các khu vực đầu mối giao thương, khu công nghiệp... Đối với khu vực phía Đông sông Cầu, quy hoạch các khu phát triển mới gắn kết với các khu dân cư đô thị, khai thác cảnh quan sông Cầu. Đối với khu vực phía Tây, quy hoạch đô thị hành chính phía Tây thành phố và vùng du lịch Quốc gia Hồ Núi Cốc.

Đối với nội dung định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, cần đề xuất quy mô và các giải pháp phân bố hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội cấp vùng, cấp thành phố đảm bảo phát triển bền vững. Đối với nội dung định hướng phát triển các khu vực dân cư nông thôn, cần quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đảm bảo cân đối giữa phát triển kinh tế - xã hội của thành phố với việc bảo vệ sinh thái nông thôn, đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi cơ cấu ngành nghề của địa phương.

Đối với nội dung thiết kế đô thị, cần xác định vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị, định hướng về hình ảnh đô thị và không gian kiến trúc theo tính chất, mục tiêu phát triển của từng khu vực; định hướng tổ chức không gian các khu trung tâm cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, quảng trường lớn, điểm nhấn đô thị; tổ chức không gian cây xanh, mặt nước. Đối với định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cần đáp ứng những mục tiêu phát triển,

nhu cầu sử dụng, đảm bảo mỹ quan, an toàn và vệ sinh môi trường của đô thị, về giao thông, cấp nước và thoát nước mặt, cấp điện, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang, thông tin liên lạc.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

Ngày 30/7/2014, UBND tỉnh Tiền Giang đã có Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Theo Quy chế này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình phối hợp phải thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Quan hệ phối hợp phải đồng bộ, thống nhất, đúng quy định pháp luật, đảm bảo kịp thời trong quá trình kiểm tra, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng. Việc phối hợp xử lý công trình vi phạm pháp luật về xây dựng phải đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, đúng quy định của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức, cá nhân cùng tham gia giám sát. Mọi thông tin, phản ánh về công trình vi phạm pháp luật về xây dựng đều phải được kiểm tra, xử lý theo quy định; đảm bảo bí mật về thông tin cá nhân và các thông tin liên quan đến người cung cấp thông tin.

Quy chế này đã quy định trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Cụ thể, Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ

trì phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các cấp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực xây dựng theo phân cấp và phân công của UBND cấp tỉnh; phối hợp với UBND các cấp thực hiện công tác tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng; chỉ đạo Chánh Thanh tra Sở Xây dựng quản lý, điều hành các Đội thanh tra xây dựng về tổ chức, chuyên môn nghiệp vụ, đôn đốc các Đội thanh tra xây dựng kiểm tra thường xuyên hoặc phối hợp xử lý kịp thời những hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

Chánh Thanh tra Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, nắm tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh, kiến nghị Giám đốc Sở Xây dựng những trường hợp cần xử lý, những biện pháp cần chấn chỉnh, khắc phục; kiểm tra, phát hiện và xử lý các công trình xây dựng không phép, sai phép, sai thiết kế đã được phê duyệt trên địa bàn do mình quản lý; theo dõi, đôn đốc, tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chánh

Thanh tra Sở xây dựng ban hành, đồng thời theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành; tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, thanh tra viên thuộc Thanh tra Sở Xây dựng.

Đội trưởng Đội thanh tra xây dựng có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Phòng quản lý xây dựng cấp huyện, Đội thanh tra Giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải và UBND các cấp trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn; tổ chức chuyển giao biên bản vi phạm hành chính cho UBND cấp xã, nơi có hành vi vi phạm hành chính ban hành quyết định xử phạt đối với các trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã, đồng thời tham gia vào quá trình triển khai quyết định xử phạt đó.

UBND cấp huyện có trách nhiệm triển khai kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động đầu tư và xây dựng; tổ chức kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền; cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng, thiết kế đô thị được duyệt trên địa bàn huyện cho cán bộ, công chức có trách nhiệm liên quan và nhân dân biết để thực hiện; phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn; chỉ đạo Phòng quản lý xây dựng cấp huyện và Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện tốt công tác phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Đội thanh tra xây dựng thuộc Sở Xây dựng hoàn thành nhiệm vụ; ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền khi Đội thanh tra xây dựng trình; chỉ đạo Phòng quản lý xây dựng cấp huyện theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các quyết định xử lý vi phạm hành chính do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp tỉnh ban hành đã có hiệu lực pháp luật; tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, nhân viên thuộc quyền quản lý của mình được giao nhiệm

vụ quản lý trật tự xây dựng; giải quyết tranh chấp, khiếu nại và tố cáo liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn huyện. Trường hợp việc xử lý có liên quan đến nhiều ngành thì báo cáo, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo các ngành phối hợp, hỗ trợ xử lý.

UBND cấp xã có trách nhiệm tuyên truyền phổ biến sâu rộng trong nhân dân các quy định của pháp luật về xây dựng, cấp phép xây dựng để người dân biết và ý thức chấp hành; phối hợp với các đơn vị chức năng tỉnh, huyện trong việc kiểm tra lập lại trật tự xây dựng trên địa bàn thuộc quyền quản lý của xã, phân công lực lượng phối hợp trong công tác điều tra, kê khai và thu thập các thông tin, tài liệu, các chứng cứ liên quan đến thời điểm xây dựng công trình, chủ đầu tư xây dựng... trong quá trình xử lý vi phạm hành chính; ban hành kịp thời quyết định đình chỉ thi công xây dựng, quyết định xử lý vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng theo thẩm quyền khi có yêu cầu của Đội thanh tra xây dựng hoặc khi phát hiện vi phạm; theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch UBND cấp xã ban hành.

Ban quản lý các khu công nghiệp (KCN) có trách nhiệm quản lý xây dựng công trình trong các khu công nghiệp theo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt và giấy phép xây dựng; có trách nhiệm tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện kiểm tra thường xuyên công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng, điều kiện khởi công, việc thực hiện xây dựng theo nội dung giấy phép xây dựng được cấp; cung cấp đầy đủ các quy hoạch xây dựng KCN được duyệt trên địa bàn cho cơ quan chức năng khi được yêu cầu.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại
www.tiengiang.gov.vn)**

Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Quy định về thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Ngày 30/7/2014, UBND tỉnh Tuyên Quang đã có Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định về thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Theo Quy định này, UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 1, Điều 14 Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng, gồm: Các công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng, công trình xây dựng ở những vị trí trung tâm có ảnh hưởng đến kiến trúc cảnh quan đô thị, công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thuộc địa giới hành chính tỉnh Tuyên Quang sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của UBND tỉnh; công trình quảng cáo, các công trình theo tuyến trong đô thị, những công trình xây dựng trên các trục đường tỉnh lộ và quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh của các tổ chức chính trị xã hội, doanh nghiệp; nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên và những công trình xây dựng trụ sở của các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh xây dựng trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ chạy qua đô thị và khu du lịch, trên các trục đường phố trong đô thị có chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt từ 20,5 m trở lên; các công trình thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh, các công trình thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp. UBND cấp huyện, thành phố cấp giấy phép xây dựng các công trình còn lại và nhà ở riêng lẻ ở đô thị thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ các đối tượng trong quy định nêu trên.

UBND cấp xã cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại những điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc địa giới hành chính do mình quản lý. Công trình do cơ quan nào cấp giấy phép xây dựng thì cơ quan đó có quyền điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng do mình cấp. UBND cấp tỉnh quyết định thu hồi giấy phép xây dựng do cấp dưới cấp không đúng quy định.

Cũng theo Quy định này, công trình, nhà ở được cấp giấy phép xây dựng tạm không được xây dựng tầng hầm, tầng nửa hầm, phải phù hợp với kiến trúc, cảnh quan của khu vực và tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch, xây dựng hiện hành. Cụ thể, với nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng không quá 100 m², 1 tầng, chiều cao tối đa không quá 5,7 m (bao gồm cả chiều cao phần mái chống nóng). Đối với các công trình khác, diện tích sàn không quá 200 m², 1 tầng, chiều cao tối đa không quá 4,8 m (bao gồm cả chiều cao phần mái công trình). Thời gian tồn tại đối với công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng tạm: Theo thời gian thực hiện quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, lần đầu cấp tối đa không quá 3 năm. Trường hợp công trình theo giấy phép xây dựng tạm hết thời hạn tồn tại, nhưng Nhà nước vẫn chưa thực hiện quy hoạch thì chủ đầu tư đề nghị với cơ quan cấp phép xây dựng xem xét cho phép kéo dài thời hạn tồn tại đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch.

Quy định này đã quy định Sở Xây dựng tổ chức cấp giấy phép xây dựng công trình do UBND tỉnh ủy quyền theo quy định; kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm quy định; trình UBND tỉnh quyết định thu hồi hoặc hủy giấy phép xây

dụng thuộc thẩm quyền đối với các trường hợp do cấp dưới cấp không đúng quy định, xây dựng sai với giấy phép xây dựng; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng định kỳ 6 tháng, một năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh. UBND huyện, thành phố tổ chức thực hiện cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền trên địa bàn quản lý, kiểm tra và xử lý vi phạm theo quy định. Căn cứ theo quy hoạch, thiết kế đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 19/2010/TT-BXD ngày 22/10/2010 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị. Những khu vực, tuyến phố không thuộc danh mục yêu cầu phải lập đồ án thiết kế đô thị, UBND huyện, thành phố cấp giấy phép xây dựng theo quy hoạch chi tiết 1:500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quy định các khu vực dân cư ổn định chưa có quy hoạch chi tiết đô thị, khu vực chưa

có quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn (quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới) cần phải cấp giấy phép xây dựng (nội dung quy định phải đảm bảo điều kiện để cấp giấy phép xây dựng). Ngoài ra, UBND huyện, thành phố còn phải xác định vùng đã được quy hoạch xây dựng nhưng chưa triển khai thực hiện quy hoạch để làm cơ sở cho việc cấp giấy phép xây dựng tạm; chỉ đạo các phòng chức năng, UBND cấp xã, phường, thị trấn phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện quy định của Nhà nước về cấp giấy phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc kiểm tra điều kiện khởi công xây dựng công trình và quản lý, xây dựng công trình theo giấy phép xây dựng được cấp trên địa bàn quản lý.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại
www.tuyenquang.gov.vn)

Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Ngày 05/8/2014, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Theo Quy định này, về nguyên tắc, người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường thì được bồi thường. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND tỉnh quyết định tại thời

điểm quyết định thu hồi đất. Khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sở hữu tài sản hợp pháp gắn liền với đất bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường. Khi Nhà nước thu hồi đất mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải ngừng sản xuất, kinh doanh mà có thiệt hại thì được bồi thường thiệt hại. Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải đảm bảo dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở

hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND tỉnh mà có Giấy chứng nhận hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau: Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng việc giao đất ở hoặc nhà ở tái định cư. Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở, UBND cấp huyện có thể xem xét quyết định bồi thường bằng việc giao đất ở theo đề nghị của hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi. Phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND tỉnh thì Nhà nước thu hồi và bồi thường theo quy định. Trường hợp trong hộ gia đình tại quy định nêu trên mà có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi nếu có nhu cầu về chỗ ở thì UBND cấp huyện căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế tại địa phương quyết định bán thêm căn hộ tái định cư hoặc giao thêm đất ở có thu tiền sử dụng đất cho từng hộ gia đình theo đề nghị của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi

thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở, giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do UBND tỉnh quy định. Trường hợp trong thửa đất ở thu hồi còn diện tích đất nông nghiệp không được công nhận là đất ở thì hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi được chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất đó sang đất ở trong hạn mức giao đất ở tại địa phương nếu hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu và việc chuyển mục đích sang đất ở phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Hộ gia đình, cá nhân khi chuyển mục đích sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất.

Cũng theo Quy định này, nếu diện tích đo đạc thực tế nhỏ hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế. Nếu diện tích đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất do việc đo đạc trước đây thiếu chính xác hoặc do khi kê khai đăng ký trước đây người sử dụng đất không kê khai hết diện tích nhưng toàn bộ ranh giới thửa đất đã được xác định là không thay đổi, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề, không do lấn, chiếm thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế. Nếu diện tích đất đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất, được UBND xã, phường, thị trấn nơi có đất xác nhận diện tích nhiều hơn là do khai hoang hoặc nhận chuyển quyền của người sử dụng đất trước đó, đất đã sử dụng ổn định và không có tranh chấp thì được bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế. Đối với phần diện tích đất nhiều hơn diện tích đất ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất mà diện tích đất nhiều hơn là do hành vi lấn, chiếm mà có thì không được bồi thường về đất.

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất chung có đồng quyền sử dụng đất, khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường theo diện tích đất thuộc quyền sử dụng, nếu không có giấy tờ xác định diện tích đất thuộc quyền sử dụng riêng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thì bồi thường chung cho các đối tượng có đồng quyền sử dụng đất. Việc phân chia tiền bồi thường về đất cho các đối tượng đồng quyền sử dụng phải theo sự thỏa thuận đảm bảo nguyên tắc người được bồi thường trực tiếp nhận tiền bồi thường và tổng số tiền bồi thường của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang có đồng quyền sử dụng đất bằng tổng số tiền bồi thường cho toàn bộ diện tích đất đồng quyền sử dụng.

Ngoài ra, Quy định này còn quy định các

khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất như hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở; hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở và các hỗ trợ khác.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại
www.thuathienhue.gov.vn)**



Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu xây dựng Chương trình đào tạo kỹ sư xây dựng công trình theo hướng tiên tiến và hội nhập quốc tế (MS: RD 29 - 09)

Ngày 05/9/2014, tại Hà Nội, Hội đồng Khoa học Kỹ thuật chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu xây dựng Chương trình đào tạo kỹ sư xây dựng công trình theo hướng tiên tiến và hội nhập quốc tế do PGS.TS Vương Ngọc Lưu - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội làm chủ nhiệm.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, PGS.TS Vương Ngọc Lưu đã báo cáo trước Hội đồng kết quả của đề tài. Đề tài Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở Việt Nam ngày càng hội nhập với quốc tế trên nhiều lĩnh vực, công tác đào tạo cần phải đi trước một bước. Do vậy, việc xây dựng Chương trình là phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế của xã hội, đáp ứng nhu cầu, đảm bảo tính hiện đại.

Mục tiêu của Chương trình đào tạo đề ra có tính liên thông, tránh được các lặp lại không cần thiết trong giảng dạy, tiết kiệm thời gian, thời lượng của mỗi cấp bậc đào tạo, phù hợp với khuynh hướng hiện nay của các nước trong khu vực và thế giới. Chương trình đào tạo được chia làm 3 cấp và có cấu trúc chương trình xây dựng đào tạo như sau: thời gian đào tạo 3 năm cấp bằng Cử nhân Xây dựng, tổng cộng 115 tín chỉ; đào tạo 4,5 năm cấp bằng Kỹ sư Xây dựng, tổng cộng 153 tín chỉ; đào tạo 6 năm cấp bằng Thạc sỹ Xây dựng, gồm 32 tín chỉ (trong đó bắt buộc là 20 tín chỉ và tự chọn là 12 tín chỉ).

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình Đào tạo kỹ sư Xây dựng công trình sẽ có được các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp như: có các kiến thức cơ bản về các nguyên lý của Chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức về khoa học tự nhiên như toán học, tin học, khoa học và kỹ thuật cơ sở để có thể áp dụng vào việc giải quyết các vấn đề



Toàn cảnh Hội đồng nghiệm thu

chuyên môn; có kiến thức cơ bản về lĩnh vực của chuyên ngành như: vật liệu và cấu kiện xây dựng, đo đạc khảo sát phục vụ xây dựng công trình, cơ học công trình, kết cấu công trình...; có trình độ tiếng Anh tương đương với TOEIC 400; có khả năng điều tra khảo sát, tiến hành các thí nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn. Có khả năng hiểu biết và phân tích các số liệu trong lĩnh vực xây dựng như: kết cấu, vật liệu, địa kỹ thuật, trắc địa môi trường; có khả năng thiết kế, thi công kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, có khả năng tham gia xây dựng và quản lý các dự án công trình xây dựng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đơn giản đáp ứng nhu cầu thực tế, với đầy đủ các hiểu biết về các yếu tố tác động như kinh tế, môi trường, sức khỏe, vệ sinh và an toàn lao động, tính khả thi và bền vững; có khả năng sử dụng các công cụ kỹ thuật hiện đại, các phần mềm phân tích kết cấu, tính toán địa kỹ thuật, quản lý dự án, có các kỹ năng và phương pháp làm việc hiệu quả; có khả năng giao tiếp và làm việc trong các nhóm liên ngành liên quan đến lĩnh vực xây dựng bao gồm: kiến trúc, kết cấu, kỹ thuật điện, cấp thoát nước, trang thiết bị công trình, điện lạnh, thông tin, phòng chống cháy nổ. Có khả

năng giao tiếp, thuyết trình với các đối tác có hiệu quả...

Các sinh viên có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ dưới các hình thức như: học tập, nghiên cứu ở các lớp ngắn hạn nhằm bồi dưỡng thêm kiến thức về một vấn đề chuyên môn cụ thể như: kết cấu công trình, công nghệ xây dựng, địa kỹ thuật; học chương trình Cao học để lấy bằng Thạc Sĩ Kỹ thuật; học tập và nghiên cứu để lấy bằng Tiến sĩ Kỹ thuật.

Các thành viên trong Hội đồng đều đánh giá cao tính thiết thực của đề tài cùng với những nỗ lực của nhóm nghiên cứu. Tuy nhiên, một số chuyên gia cho rằng: thời lượng chương trình tiếng Anh trong Chương trình đào tạo với tổng số 10 tín chỉ như vậy là hơi ít để nhằm mục đích hội nhập quốc tế. Ngoài ra, các tài liệu tham khảo cho các môn học còn ít, cần cập nhật thêm, tên một số quy phạm cần viết đúng theo văn bản ban hành và cần đưa môn hóa vào

trong học phần bắt buộc vì công nghệ và vật liệu mới gắn chặt với nhau trong thời đại công nghệ hiện nay.

Theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & MT, ngoài những ý kiến đóng góp của Hội đồng, nhóm tác giả cần bổ sung thêm phần mở đầu, sự cần thiết, mục tiêu, kết luận và kiến nghị, bổ sung kết quả nội dung nghiên cứu theo đề cương của hợp đồng, phân tích đánh giá tình hình đào tạo trong nước và quốc tế, phân tích chương trình hiện nay và chương trình đổi mới khác nhau ở điểm nào, đề đề tài được hoàn thiện hơn, sớm được triển khai và đưa vào áp dụng trong công tác giảng dạy của Trường.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu và xếp loại Xuất sắc.

Bích Ngọc

Nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế: Điều tra, khảo sát nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực kỹ thuật điện đô thị, kỹ thuật hạ tầng đô thị đáp ứng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng giai đoạn 2011 - 2020

Ngày 08/9/2014, tại Hà Nội, Hội đồng Khoa học Kỹ thuật chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế: Điều tra, khảo sát nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực kỹ thuật điện đô thị, kỹ thuật hạ tầng đô thị đáp ứng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành xây dựng giai đoạn 2011 - 2020 do ThS. Trịnh Văn Dũng, Phó hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Công trình Đô thị làm Chủ nhiệm.

Thay mặt cho nhóm thực hiện, ThS. Đào Việt Hà, Giám Đốc Trung tâm Đào tạo nghề xây dựng Việt - Đức đã báo cáo trước Hội đồng kết quả của Dự án. Theo báo cáo, để thích ứng với tốc độ đô thị hóa, nhu cầu nhân lực nói chung và nhân lực các chuyên ngành liên quan đến phát triển đô thị đòi hỏi số lượng và chất

lượng cao. Hiện nay, nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực kỹ thuật điện đô thị (KTĐĐT) và kỹ thuật hạ tầng đô thị (KTHTĐT) đáp ứng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng giai đoạn 2011 - 2020 chưa thể đánh giá chính xác và kết luận chính thức... Do đó, việc Điều tra, khảo sát nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực KTĐĐT, KTHTĐT là một bước rất cần thiết cho công tác hoạch định chính sách và là cơ sở quan trọng thực hiện các dự án nghiên cứu có liên quan đảm bảo đáp ứng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng giai đoạn 2011 - 2020.

Dự án có tổng dài 70 trang và 3 chương chính, mục tiêu chính của Dự án là: làm căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo hai chuyên

ngành kỹ thuật điện đô thị (KTĐĐT) và kỹ thuật hạ tầng đô thị (KTHTĐT); làm căn cứ để các cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng dạy, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện dạy và học đối với hai chuyên ngành; làm cơ sở để xây dựng chiến lược, quy mô đào tạo của các đơn vị và Bộ Xây dựng, đồng thời, giúp các Bộ ngành liên quan có các chính sách phù hợp cho hai chuyên ngành. Nội dung thực hiện của dự án là tiến hành khảo sát thực trạng, đánh giá kết quả điều tra, khảo sát và đề xuất các giải pháp phù hợp.

Qua điều tra khảo sát lực lượng lao động KTĐĐT và KTHTĐT tại các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng, các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các vùng trọng điểm trong cả nước như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, vùng trọng điểm kinh tế Đông Bắc, Đông Nam Bộ, một thực tế dễ nhận thấy là lực lượng lao động trong lĩnh vực xây dựng rất đa dạng về trình độ chuyên môn, ngành nghề, giới tính. Tuy nhiên, khi trao đổi trực tiếp, nhiều cán bộ kỹ thuật và người lao động cho rằng chuyên ngành KTĐĐT là khá mới mẻ về tên gọi; ngay như chuyên ngành KTHTĐT vốn đã được một số trường đào tạo từ nhiều năm nay, nhưng họ cũng không có khái niệm rõ ràng về tên gọi. Lao động kỹ thuật ngành KTĐĐT không thể tuyển đủ do số lượng người tốt nghiệp quá ít nên các doanh nghiệp thường tuyển ngành/ nghề kỹ thuật điện (với tính mở) sau đó tùy công việc có thể bồi dưỡng thêm. Phần lớn các doanh nghiệp chấp nhận một “đội hình chắp vá” khi thi công công trình liên quan đến điện đô thị, chưa kể một số doanh nghiệp thiếu đồng bộ đối với cả đội ngũ thiết kế, vì vậy, chất lượng công trình ít nhiều cũng bị ảnh hưởng.

Hiện nay số cơ sở đào tạo hai chuyên ngành này là rất ít. Đối với chuyên ngành KTHTĐT có 8 cơ sở đào tạo trình độ đại học và sau đại học, 4 cơ sở đào tạo trình độ cao đẳng. Một số các trường đại học, cao đẳng có đào tạo các chuyên ngành gắn với Công nghệ KTHTĐT, tuy



Toàn cảnh Hội đồng nghiệm thu

nhiên, tên gọi có khác nhau. Đối với chuyên ngành KTĐĐT, mới chỉ có duy nhất Trường Cao đẳng Xây dựng Công trình Đô thị đang đào tạo với hai cấp trình độ: cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Còn lại, số cơ sở đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật điện hiện nay là rất ít, nhưng đó cũng chỉ được coi là những chuyên ngành gắn với chuyên ngành Công nghệ KTĐĐT. Do đó, Chương trình đào tạo cần tiếp tục có những bước cải tiến trong khâu xây dựng mới và phát triển chương trình. Về đội ngũ giáo viên, giảng viên và cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, các cơ sở đào tạo cần có chiến lược phát triển phù hợp để các điều kiện đảm bảo chất lượng này có vị trí và vai trò thực sự trong quá trình đào tạo nhân lực KTĐĐT và KTHTĐT.

Các giải pháp được đề xuất nhằm phát triển nguồn nhân lực KTĐĐT và KTHTĐT trong Dự án vừa có tính vĩ mô, phạm vi rộng, vừa có tính vi mô. Trong đó, vấn đề quản lý, điều tiết theo quy luật của kinh tế thị trường đã được đặt ra và đề xuất hướng xử lý. Những vấn đề cụ thể hơn như phương tiện, công cụ quản lý, tin học hóa quản lý hoặc đi thẳng vào xây dựng, phát triển chương trình đào tạo, quan tâm đúng mức các điều kiện đảm bảo chất lượng, thiết lập hệ thống thông tin thị trường lao động, xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp... đều nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp hay nói rộng hơn là đáp ứng quy hoạch phát triển nhân lực ngành Xây

dựng giai đoạn 2011 - 2020.

Các thành viên trong Hội đồng đều đánh giá cao nội dung, tính thực tiễn của dự án, sự công phu, cùng với cách trình bày tương đối khoa học của nhóm thực hiện. Tuy nhiên, việc mắc phải các lỗi nhỏ là không tránh khỏi. Do đó, nhóm thực hiện cần chỉnh sửa lại một số lỗi chính tả, thống nhất lại các mốc thời gian và trình bày lại các bảng biểu để người đọc dễ nhìn và dễ hiểu.

Theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & MT, so với các dự án trước đây, dự án này là

một trong số ít những dự án có tính logic cao, nội dung thực hiện phong phú. Ngoài những ý kiến đóng góp của Hội đồng, nhóm thực hiện cần nêu rõ hơn về 2 chuyên ngành KTĐĐT và KHTĐT cùng với sự khác biệt của chúng, để người đọc hiểu và phân biệt được, đồng thời yêu cầu nhóm thực hiện chỉnh sửa và hoàn thiện trước tháng 10/ 2014.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu và xếp loại Khá.

Bích Ngọc

Công nghệ xây tường ngoài đa lớp toàn khối với lớp cách nhiệt bằng bê tông có tính dẫn nhiệt thấp

Thực tiễn xây dựng trong những năm gần đây ghi nhận sự phát triển rộng rãi công nghệ xây các kết cấu bao che với hệ mặt tiền thông gió và hệ thống cách nhiệt, nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng tiết kiệm năng lượng. Tuy nhiên, công nghệ này có nhược điểm là lao động thủ công (với trình độ cao) chiếm phần lớn khối lượng công việc; do đó, nếu thời gian thi công kéo dài, việc đội giá công trình là điều khó tránh. Bên cạnh đó, phương pháp xây khá phức tạp, cùng với các yêu cầu cao đối với công tác thi công và vật liệu ứng dụng khiến thời hạn sử dụng, khai thác các mặt tiền của công trình/nhà ở bị giảm sút đáng kể. Việc xây các tường ngoài chịu lực trong các nhà xây toàn khối ứng dụng công nghệ nêu trên sẽ có 02 giai đoạn thi công cơ bản tách biệt: xây lớp chịu lực toàn khối của tường rồi mới lắp ghép mặt tiền.

Thi công mặt tiền cho các tòa nhà/ công trình xây toàn khối - về nguyên tắc - cần các tổ thợ chuyên môn, cần chi phí phụ trội để bảo dưỡng các vật liệu cách nhiệt và vật liệu trang trí trước các tác động của môi trường, cần các thiết bị nâng chuyên dụng... Và một vấn đề quan trọng - hệ thống văn bản tiêu chuẩn của Nga chưa hoàn chỉnh, chưa có quy định rõ ràng đối với các đặc điểm công nghệ áp dụng trong

xây hệ thống mặt tiền, thiếu các yêu cầu đối với chất lượng thi công cũng như định mức thời gian và đơn giá thi công.

Xây tường ngoài đa lớp từ bê tông cốt thép toàn khối, với lớp cách nhiệt bằng bê tông nhẹ có tính dẫn nhiệt thấp là một giải pháp thay thế hữu hiệu cho công nghệ xây mặt tiền.

Theo tính toán của các nhà kinh tế xây dựng, xây tường ngoài toàn khối đa lớp giúp giảm tới 30% khối lượng xây dựng so với giải pháp xây mặt tiền. Các nghiên cứu công nghệ xây dựng đã được tiến hành đối với các kết cấu 03 lớp - lớp ngoài thực hiện chức năng trang trí và bảo vệ; lớp cách nhiệt và lớp bên trong cùng. Lớp ngoài bằng bê tông cốt sợi phân tán. Lớp cách nhiệt bằng bê tông khí. Độ đặc chắc, tính dẫn nhiệt và bề dày của lớp cách nhiệt có thể thay đổi linh hoạt cho phù hợp với các chỉ số nhiệt tại những vùng khí hậu khác nhau. Các tính chất của bê tông và cốt của lớp chịu lực bên trong cùng sẽ do các yêu cầu thiết kế quy định.

Đặc điểm của phương pháp xây tường ngoài đa lớp toàn khối trên công trường xây dựng là bê tông được đổ theo phương thẳng đứng thành các lớp kế tiếp nhau, với các chỉ số cường độ và chỉ số biến dạng khác nhau trong một chu trình công nghệ thống nhất. Để việc đổ bê tông cho

lớp cách nhiệt và các lớp khác trong kết cấu được mịn, không gồ ghề, các nhà xây dựng sử dụng lưới hợp kim cố kết với khung cốt tạo những đai chữ U chắc chắn.

Tính hợp lý của phương pháp này là việc sử dụng ván khuôn không tháo từ phía ngoài và ván khuôn tấm từ bên trong. Ván khuôn không tháo là những tấm bê tông cốt sợi khối lượng riêng không quá 1.800 kg/m^3 ; các tấm được sản xuất tại nhà máy theo yêu cầu thiết kế của tòa nhà / công trình. Ván khuôn tấm sử dụng ở đây có khung kim loại và gỗ dán nhiều lớp. Ván khuôn không tháo được chế tạo có tính tới khả năng không sử dụng đồng thời với hệ ván khuôn cụ thể nào. Do sự tương hợp về vị trí các mối nối của các tấm ván khuôn bên trong và tấm bê tông bên ngoài khó có thể bảo đảm (điều này liên quan tới yêu cầu về mặt kiến trúc và tính thẩm mỹ của các mặt tiền tòa nhà/ công trình), trong các tấm bê tông bên ngoài, thợ xây sẽ tạo các lỗ tại những vị trí trục khớp của thanh giằng đi qua.

Đặc điểm nổi bật quan trọng của phương pháp xây tường ngoài đa lớp toàn khối với lớp cách nhiệt bằng bê tông nhẹ có tính dẫn nhiệt thấp chính là công tác thi công bê tông. Vữa bê tông với cốt liệu nhẹ đặc biệt sẽ được cung cấp tới tận công trường xây dựng bằng các xe trộn bê tông, hoặc vữa sẽ được chế tạo trực tiếp trên công trường. Việc cung cấp vữa tới vị trí xây dựng có thể được thực hiện bằng các bơm bê tông, hoặc bằng phương pháp cầu - tùy theo khối lượng công việc và phương thức tổ chức thi công tại công trường. Đối với vữa bê tông khí, các nhà xây dựng sẽ sử dụng thiết bị khí nén để chế tạo bê tông nhẹ. Việc cấp loại vữa bê tông này được thực hiện bằng các bơm mềm tới tận vị trí xây dựng. Vữa bê tông nặng được cung cấp bằng các bơm bê tông thủy lực. Độ lưu động của vữa bê tông đối với lớp cách nhiệt cũng như các lớp khác của kết cấu từ 10 - 20 cm (mác P3 và P4).

Tính liên tục trong việc đổ vữa bê tông có ý nghĩa nhất định đối với việc bảo đảm chất lượng

cho các khu vực tiếp xúc cũng như toàn bộ kết cấu. Trước tiên, vữa bê tông khí được đổ lên toàn bộ chiều cao kết cấu và nén bằng thiết bị đầm nén sâu. Tiếp theo, vữa bê tông nặng được đổ, cứ thế liên tục, lớp vữa sau cần được đổ trước khi lớp vữa trước bắt đầu đông kết, nhằm đảm bảo tính liên khối trong liên kết giữa các lớp, đồng thời loại trừ những khe nứt phát sinh tại mặt cắt kết cấu. Để tăng độ tin cậy, kết cấu sẽ được phân chia thành nhiều khu vực bằng cách: thời gian đổ vữa bê tông tại mỗi khu vực không lâu hơn thời gian kết cứng của vữa bê tông trong lớp cách nhiệt. Hơn nữa, các nghiên cứu được tiến hành trước đây đều cho thấy: để bảo đảm sự liên kết đáng tin cậy trong một kết cấu bê tông đa lớp, quãng cách thời gian giữa các lần đổ vữa bê tông cần từ 0,5 - 1,5 giờ đồng hồ.

Công nghệ xây tường ngoài đa lớp toàn khối theo chu trình thống nhất, sử dụng bê tông nhẹ có tính dẫn nhiệt thấp làm lớp cách nhiệt có những ưu điểm như sau:

- Giảm khối lượng công tác thi công xây tường ngoài;
- Không đòi hỏi nhân công có trình độ, đồng thời tiết kiệm chi phí nhân công do chu trình thống nhất và đơn giản;
- Không cần quãng cách thời gian giữa quy trình dựng khung chịu lực và xây tường ngoài, bởi vì tường ngoài toàn khối có thể được xây từng phần hoặc toàn bộ song song với công tác lắp dựng cốt thép, từ đó giảm thời gian thi công, giảm giá thành công trình;
- Nâng cao tuổi thọ của tường ngoài nếu vật liệu sử dụng có thời hạn tương ứng với thời hạn của kết cấu chịu lực. Đây là ưu điểm so với các mặt tiền luôn đòi hỏi việc tu sửa từng giai đoạn do tuổi thọ của vật liệu thấp hơn, và tính phức tạp về mặt kỹ thuật của kết cấu mặt tiền.

E.Korol

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng nhà ở Nga
số 7/2014*

ND: Lê Minh

Các tiêu chuẩn thiết kế kết cấu công trình dân dụng - các thiết kế dựa trên sự làm việc và độ tin cậy và xu hướng phát triển

Bài viết này đề cập đến các tiêu chuẩn thiết kế các kết cấu công trình dân dụng ở Nhật Bản với hai mục tiêu: giới thiệu khái quát các xu hướng trong 15 năm gần đây và dự báo sự phát triển trong tương lai. Nội dung chính mà bài viết này đề cập là thiết kế dựa trên sự làm việc và thiết kế dựa trên độ tin cậy.

Trong bài viết này, thuật ngữ “thiết kế dựa trên sự làm việc” phù hợp với định nghĩa trong tiêu chuẩn JGS 4001-2004 như sau: “thiết kế dựa trên sự làm việc là một triết lý thiết kế mà các kết cấu không được thiết kế dựa trên các đặc trưng cụ thể, mà được thiết kế dựa trên việc đáp ứng yêu cầu của xã hội”.

Thiết kế dựa trên độ tin cậy và Thiết kế dựa trên sự làm việc

Các tiêu chuẩn thiết kế dựa trên độ tin cậy

Phương pháp thiết kế dựa trên độ tin cậy, còn gọi là phương pháp thiết kế trạng thái giới hạn, đã ra đời từ thập niên 1970. Vào thời điểm đó, châu Âu đang nỗ lực cho việc biên soạn một bộ tiêu chuẩn thiết kế cho các công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật để có thể sử dụng chung cho tất cả các nước trong Cộng đồng châu Âu. Bộ tiêu chuẩn đó nay được gọi là Tiêu chuẩn châu Âu về kết cấu. Với mục tiêu cập nhật, bổ sung, làm mới Tiêu chuẩn châu Âu (Eurocode) vừa được biên soạn đã đưa ra một phương pháp kiểm định theo thiết kế dựa trên

độ tin cậy. Như mọi người đều biết, Eurocode được hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2010, sau gần 40 năm nghiên cứu, biên soạn.

Được ban hành vào năm 1983 ở Bắc Mỹ, Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ Ontario (OHBDC) là tiêu chuẩn thiết kế hoàn toàn tuân theo phương pháp thiết kế dựa trên độ tin cậy. Sự ra đời của Tiêu chuẩn OHBDC đã thúc đẩy việc xây dựng Quy phạm thiết kế cầu (BDS) vào cuối thập niên 1980 do Hiệp hội các quan chức Chính phủ và ngành giao thông vận tải đường bộ Hoa Kỳ (AASHTO) ban hành và trở thành tiêu chuẩn thiết kế có tầm ảnh hưởng lớn nhất trong lĩnh vực xây dựng dân dụng ở Bắc Mỹ. Sau đó, phiên bản tiêu chuẩn LRFD (thiết kế theo hệ số sức kháng và tải trọng) của AASHTO BDS được ban hành năm 1995 và được áp dụng đến ngày nay với nhiều lần sửa đổi, bổ sung.

Trái với xu hướng ổn định ở châu Âu và Bắc Mỹ, Nhật Bản đi sau rất nhiều trong việc xây dựng các tiêu chuẩn thiết kế dựa trên công thức kiểm định dạng hệ số riêng phần theo phương pháp thiết kế dựa trên độ tin cậy. Tiêu chuẩn kỹ thuật cho các công trình cảng ở Nhật Bản được ban hành năm 2007 là tiêu chuẩn thiết kế đầu tiên của Nhật Bản cho các công trình dân dụng hoàn toàn tuân theo thiết kế dựa trên độ tin cậy.

Hệ Nordic 5	Niu Di-lân	Úc		Anh	Ca-na-đa
Các mục tiêu	Các mục tiêu	Các mục tiêu		Các mục tiêu	Các mục tiêu
Các yêu cầu công năng	Các yêu cầu công năng	Các yêu cầu công năng		Các yêu cầu công năng	Các yêu cầu công năng
Các yêu cầu vận hành	Các yêu cầu vận hành	Các yêu cầu làm việc	Gắn thỏa mãn		
Các phương pháp kiểm định	Các phương pháp kiểm định			Sự làm việc	
Các giải pháp chấp nhận	Các giải pháp chấp nhận			Các giải pháp kỹ thuật	
				Các giải pháp chấp nhận	Các giải pháp chấp nhận

Hình 1. Hai nhóm cơ bản trong Thiết kế dựa trên sự làm việc

Quy phạm cầu đường bộ là tiêu chuẩn có ảnh hưởng nhất dùng để thiết kế các công trình dân dụng ở Nhật Bản hiện nay, và không sử dụng phương pháp thiết kế hệ số riêng phần. Tuy nhiên, tiêu chuẩn này đang được sửa đổi căn bản có sử dụng nhiều công thức kiểm định dựa theo phương pháp LRFD và sẽ sớm được hoàn thành.

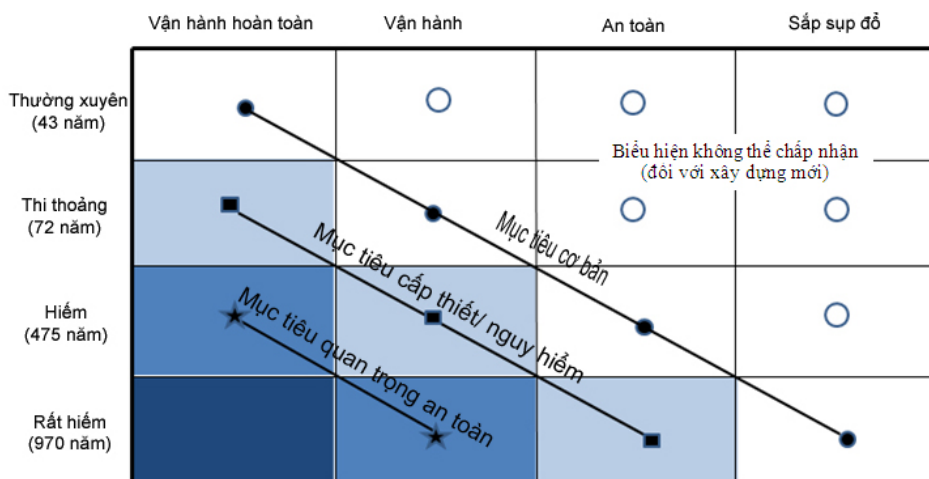
Nhật Bản đi sau châu Âu và Bắc Mỹ trong việc đưa thiết kế dựa trên độ tin cậy vào các tiêu chuẩn thiết kế, nhưng lại có sự khác biệt lớn với các nước khác. Trong các tiêu chuẩn thiết kế của Nhật Bản, tầm quan trọng cho công tác tổng thể (thiết kế dựa trên sự làm việc) được coi trọng hơn, còn thiết kế dựa trên độ tin cậy được sử dụng làm phương pháp kiểm định sự làm việc và trong các tiêu chuẩn.

Tiêu chuẩn thiết kế dựa trên sự làm việc

Các tiêu chuẩn thiết kế trên thế giới có thể chia thành hai nhóm chính bắt nguồn từ thiết kế dựa trên sự làm việc. Một nhóm xuất phát từ hệ Nordic 5 (Hình 1). Để thúc đẩy sự phù hợp giữa các tiêu chuẩn thiết kế công trình trên thế giới, trong nhóm tiêu chuẩn này, yêu cầu về sự làm việc được chia thành hai loại: các yêu cầu bắt buộc và các tài liệu hướng dẫn. Triết lý này rất gần với nội dung của Bản thỏa thuận về rào cản

kỹ thuật đối với thương mại của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO/TBT Agreement): “các quy định kỹ thuật dựa trên những yêu cầu sản phẩm dưới dạng hoạt động mà không phải dưới dạng thiết kế hoặc các đặc tính xác định (Điều 2.8)”. Nhóm thứ hai bắt nguồn từ đề xuất về một ma trận hoạt động cần thiết (Hình 2) được đưa ra trong Tầm nhìn năm 2000 của Hiệp hội kỹ sư xây dựng California (SEAOC, 1995). Từ những thiệt hại do các trận động đất Northridge và Loma Prieta gây ra, đề xuất này được đưa ra như một biện pháp để thúc đẩy sự đối thoại giữa các chủ công trình và các kỹ sư kết cấu về vấn đề kháng chấn.

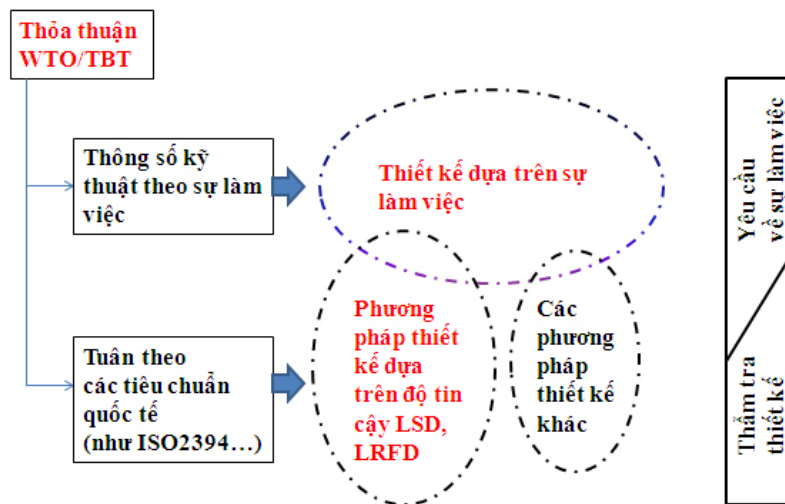
Hiện nay ở Nhật Bản, người ta đang biên soạn một tiêu chuẩn thiết kế có sự kết hợp việc kiểm định kết cấu theo phương pháp thiết kế dựa trên độ tin cậy theo triết lý thiết kế dựa trên sự làm việc. Có thể nói rằng, đây là bước đi đầu tiên của xu hướng này chính là Thỏa thuận WTO/TBT có hiệu lực từ năm 1995. Tận dụng cơ hội này, Chính phủ Nhật Bản đã thực hiện bãi bỏ hàng loạt các tiêu chuẩn cũ, đưa ra các chính sách mới thúc đẩy sự phù hợp quốc tế của các tiêu chuẩn trong lĩnh vực công nghiệp, quy phạm sự làm việc và hạn chế sự kiểm tra trùng lặp.



Hình 2. Ma trận hoạt động trong Tầm nhìn 2000 của SEAOC

Để đáp ứng các xu hướng đó, các hội kỹ thuật Nhật Bản đã nhanh chóng triển khai triết lý thiết kế dựa trên sự làm việc vào trong các tiêu chuẩn thiết kế của Nhật Bản theo khuyến nghị của Thỏa thuận WTO/TBT. Một trong những thành quả thực tế trong lĩnh vực này là Tiêu chuẩn địa kỹ thuật/Geo-code 21 do Hội Địa kỹ thuật Nhật Bản ban hành năm 2004 và tiêu chuẩn PLATFORM do Hiệp hội kỹ sư xây dựng Nhật Bản ban hành năm 2003. Cả hai bộ tiêu chuẩn này đều có những ảnh hưởng đối với các phiên bản tiêu chuẩn thiết kế khác được rà soát, sửa đổi sau đó.

Hình 3 giới thiệu về mặt mô hình vị trí của các thiết kế dựa trên sự làm việc và dựa trên độ tin cậy và mối quan hệ giữa chúng với Thỏa thuận WTO/TBT và các tiêu chuẩn ISO. Thể chế thiết kế dựa trên sự làm việc được căn cứ trên cơ sở thỏa thuận của các chính sách thương mại quốc tế. Theo đó, trong việc biên soạn các tiêu chuẩn thiết kế trong tương lai, các yêu cầu về sự làm việc của kết cấu sẽ được xác định bởi các tiêu chí làm việc và việc kiểm định các tiêu chí làm việc sẽ sử dụng phương pháp thiết kế dựa trên độ tin cậy theo tiêu chuẩn ISO2934 và các tiêu chuẩn quốc tế khác.



Hình 3. Thỏa thuận WTO/TBT và các thiết kế dựa trên sự làm việc và các thiết kế dựa trên độ tin cậy

Các tiêu chuẩn thiết kế hiện hành cho kết cấu công trình dân dụng ở Nhật Bản

Như đã trình bày ở phần trên, Các tiêu chuẩn kỹ thuật cho các công trình cảng ở Nhật Bản được sửa đổi và có hiệu lực từ năm 2007 đã cơ bản áp dụng kiểm định sự làm việc bằng phương pháp hệ số riêng phần dựa trên phương pháp thiết kế dựa trên độ tin cậy.

Các tiêu chuẩn về cầu đường bộ ở Nhật Bản là một bộ tiêu chuẩn kỹ thuật về kết cấu đường bộ được áp dụng nhiều nhất trong các công trình xây dựng dân dụng ở Nhật Bản hiện đang được sửa đổi.

Hình 4 thể hiện triết lý của các tiêu chuẩn làm việc đối với cầu đường bộ đã được đưa vào dự thảo phiên bản tiêu chuẩn sửa đổi. Trong đó hình vẽ thể hiện triết lý sự làm việc gắn liền với khả năng chịu tải của cầu, còn các yêu cầu làm việc của cầu được thể hiện thông qua một ma trận làm việc bao gồm hai điều kiện chủ yếu: trạng thái giới hạn của cầu (mô tả sự làm việc ở trạng thái giới hạn) và tình huống thiết kế (các điều kiện tải trọng được đưa vào thiết kế: tổ hợp tải trọng dài hạn, các điều kiện tải trọng thay đổi và tai biến). Tiếp theo, yêu cầu làm việc phải được đáp ứng bởi biện pháp “an toàn đặc biệt”

trong thời kỳ khai thác theo thiết kế (thông thường là 100 năm). An toàn đặc biệt được hiểu là độ tin cậy, và là tiêu chuẩn làm việc trong các tiêu chuẩn kỹ thuật đang được cập nhật dựa trên triết lý thiết kế dựa trên độ tin cậy.

Hình 5 thể hiện triết lý kiểm định sự làm việc bằng phương pháp hệ số riêng phần và sự kết hợp của tình huống thiết kế và trạng thái giới hạn đặc trưng trong ma trận được xác định các công thức kiểm định sử dụng phương pháp hệ số riêng phần. Dạng thức sử dụng trong công thức kiểm định được lấy theo thiết kế hệ số trở kháng và tải trọng (LRFD).

Hiện nay, việc sửa đổi Các tiêu chuẩn về cầu đường bộ của Nhật Bản đang được thúc đẩy cập nhật theo triết lý được nêu ở Hình 4. Cụ thể là việc xây dựng các tiêu chí kiểm định của

sự làm việc yêu cầu được xác định trong ma trận ở Hình 4 phải phù hợp với mỗi bộ phận của kết cấu. Quá trình này đòi hỏi sự tham vấn nhiều chuyên môn khác nhau. Để có thể kết thúc được, khái niệm “gần thỏa mãn” được nhấn mạnh trong quá trình sửa đổi tiêu chuẩn này. Thuật ngữ này thể hiện một hoạt động được yêu cầu đặc biệt đã được kiểm định bằng một phương pháp kiểm định nhất định có gần thỏa mãn hay không yêu cầu về sự làm việc. Đồng thời, cần đưa ra một số giới hạn cho phép trong ý nghĩa của thuật ngữ này. Đó là phương pháp kiểm định nhất định không nhất thiết phải là phương pháp duy nhất mà vẫn có thể áp dụng các phương pháp khác nếu phù hợp theo đánh giá của người thiết kế kết cấu.

Trạng thái giới hạn cầu	Không xuất hiện bất cứ hư hại nào trên toàn bộ cây cầu; và không suy yếu chức năng cầu (trạng thái giới hạn dịch vụ)	Xuất hiện hư hại ở một bộ phận của cầu, nhưng chỉ tác động hạn chế lên chức năng của cầu và có thể nhanh chóng phục hồi được chức năng (trạng thái giới hạn phục hồi)	Suy yếu đáng kể chức năng của cầu và khó có thể khôi phục lại chức năng, nhưng không gây sập cầu (trạng thái giới hạn cuối cùng)
Các điều kiện tải trọng được đưa vào thiết kế			
Quản lý vĩnh viễn			
Quản lý thay đổi		Đề được thỏa mãn với sự bảo đảm cụ thể trong khoảng thời gian tùy chọn thuộc giai đoạn dịch vụ thiết kế	
Quản lý ngẫu nhiên			

Hình 4. Triết lý tiêu chí làm việc cho các cầu đường bộ trong bản sửa đổi Tiêu chuẩn cầu đường bộ Nhật Bản

Các xu hướng tương lai

Một xu hướng dễ nhận thấy nhất trong các tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng cho các công trình xây dựng dân dụng lớn của Nhật Bản đó là thiết kế dựa trên sự làm việc về cơ bản được tích hợp trong các tiêu chuẩn thiết kế và việc kiểm định làm việc được thực hiện theo phương pháp hệ số riêng phần mà được dựa trên phương pháp thiết kế dựa trên độ tin cậy và

phương pháp thiết kế hệ số trở kháng và tải trọng (LRFD). Triết lý “các tiêu chuẩn thiết kế dựa theo thiết kế dựa trên sự làm việc” là đặc trưng của Nhật Bản và không có trong các Tiêu chuẩn châu Âu hoặc Tiêu chuẩn về cầu đường bộ của AASHTO.

Như đã nêu ở trên, triết lý này đã được giới thiệu là có mối liên quan với các chính sách bãi bỏ các tiêu chuẩn cũ của Nhật Bản khi tham gia

Thỏa thuận WTO/TBT và tiếp tục được phát triển sau đó. Tuy nhiên, khi nghiên cứu dự thảo Tiêu chuẩn cầu đường bộ của Nhật Bản sửa đổi

đã cho thấy nền tảng chung của triết lý này đang được phát triển theo các hướng mới.



Hình 5: Kiểm định sự làm việc bằng phương pháp hệ số riêng phần

Cũng như Mỹ và một số nước tiên tiến khác, Nhật Bản sở hữu một tài nguyên lớn về cơ sở hạ tầng xã hội. Hoạt động xây dựng ở Nhật Bản được đẩy mạnh từ thập niên 1960 và đã đạt được những thành tựu to lớn trong thời kỳ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng trong thập niên 1970 - 1980. Hiện nay, việc bảo trì một số lượng vô cùng lớn các công trình hạ tầng ở Nhật Bản được coi là mối quan tâm lớn trong tương lai.

Trong bối cảnh đó, dường như các cơ quan chịu trách nhiệm bảo trì công trình hạ tầng của Bộ Hạ tầng, Đất đai, Giao thông và Du lịch Nhật Bản và nhiều cơ quan Chính phủ khác đã nhận thấy trước những khó khăn trong việc duy trì sự đồng bộ các cơ sở hạ tầng cũ kỹ không đạt

chuẩn ở mức độ phù hợp. Để thỏa mãn, triết lý thiết kế dựa trên sự làm việc có khả năng cho phép hình thành một xã hội phù hợp với việc phân cấp mức độ làm việc của các kết cấu khác nhau, không xem nhẹ khi đánh giá sự phát triển tương lai của thiết kế dựa trên sự làm việc của kết cấu.

Yusuke Honjo

Giáo sư, Khoa Xây dựng,
Trường Đại học Gifu

Nguồn: Tạp chí Steel Construction, Today & Tomorrow, số tháng 8/2014

ND: Minh Tuấn

Kiến trúc thông minh cần được xử lý tốt 4 mối quan hệ lớn

Kiến trúc thông minh không giống với khái niệm kiến trúc truyền thống, kiến trúc thông minh thuộc lĩnh vực những kiến trúc có kỹ thuật cao và mới xuất hiện gần đây. Kiến trúc thông minh là những công trình có diện tích lớn và

mang tính kỹ thuật cao. Trong quá trình xây dựng những công trình kiến trúc thông minh cần phải xử lý tốt 4 mối quan hệ sau:

1. Quan hệ giữa thông minh hóa và mức tiêu thụ điện năng

Thi công công trình kiến trúc truyền thống bao gồm: xây dựng, lắp đặt, cấp thoát nước, điều hòa không khí, lắp đặt điện... Thông thường là xây dựng lắp đặt ba hệ thống điện, nước và điều hòa không khí. Tính đáng tin cậy bao gồm tính an toàn, tính sử dụng và tính bền là yêu cầu cơ bản nhất của kết cấu nhà ở. Tiêu chuẩn nghiệm thu lắp đặt và trang trí nhà ở phải phù hợp với yêu cầu thiết kế, nói một cách khái quát là kiến trúc phải có thẩm mỹ và thích hợp cho việc sử dụng. Chính vì vậy cho dù là kiến trúc truyền thống hay kiến trúc thông minh đều phải có liên quan đến điện năng. Điện năng là chỉ điện và tất cả các hình thức khác sản xuất ra năng lượng. Ứng dụng phổ biến của điện năng là chiếu sáng. Đối với kiến trúc thông minh thì tác dụng của điện năng là có độ liên quan lớn hơn và phức tạp hơn so với kiến trúc truyền thống. Điện năng trong kiến trúc thông minh không chỉ sử dụng để giải quyết vấn đề chiếu sáng mà còn kết hợp với mạng internet, tivi, điện gia dụng, thông tin, an ninh, phòng cháy, sưởi, làm mát, giữ ẩm, điều khiển... cùng kết hợp tạo thành một hệ thống thông minh hóa hoàn chỉnh. Để cho khoảng cách giữa các thao tác bằng tay của con người được gần hơn mà lại có thể điều khiển từ xa. Nếu không có điện năng thì sẽ không thể tưởng tượng được xã hội hiện đại sẽ như thế nào? Đầu tiên điện năng phải đảm bảo cho việc chiếu sáng, sau đó mới có thể chuyển hóa thành các hình thức năng lượng khác phục vụ cho thông minh hóa. Do đó, trong xây dựng công trình kiến trúc thông minh trước hết cần phải xem xét tới điện năng cần thiết cho việc chiếu sáng đồng thời phải chú ý tới điện năng cần thiết để dành cho hệ thống thông minh hóa. Vì vậy cần phải nắm bắt được tiêu chuẩn thi công và nội dung của hệ thống điện, đồng thời phải có một vốn kiến thức và kinh nghiệm phong phú về hệ thống điện yếu. Hệ thống cáp và cáp ngầm của đường điện phải được lắp đặt một cách khoa học hợp lý an toàn và ngắn gọn nhất để phục vụ cho kiến trúc

thông minh hóa. Đồng thời điện năng trong kiến trúc thông minh phải được lợi dụng một cách tối ưu nhất và chuyên sâu nhất.

2. Quan hệ giữa thông minh hóa và quang năng

Quang năng là do ánh sáng mặt trời hoặc nhờ vào các thiết bị sản xuất ra năng lượng, bao gồm bóng đèn sợi đốt, máy phát tia laser, con đom đóm... là những vật thể phát quang có thể phát ra một loại năng lượng, quang năng là một nguồn năng lượng có thể tái sinh. Có thể nói ánh sáng mặt trời là quang năng chủ yếu nhất. Hệ thống phát điện quang phổ của năng lượng mặt trời là những chùm tia ánh sáng mặt trời có thể trực tiếp chuyển hóa thành một hệ thống phát điện loại hình mới của điện năng. Hệ thống này có hai cách vận hành là có thể vận hành độc lập và vận hành kết hợp với mạng.

Kỹ thuật quang phổ có rất nhiều ưu thế: một là nhìn chung không có bất kỳ một chuyển động cơ học nào vì vậy về cơ bản không cần bảo vệ; hai là ngoài ánh sáng mặt trời thì không cần bất cứ một nhiên liệu nào khác; ba là đầu tư một lần và giá thành vận hành ít; bốn là không có nước ô nhiễm, khí độc, đồ phế thải do đó không thể tạo thành khói bụi và bảo vệ môi trường. Lắp đặt thuận tiện và linh hoạt, các mái nhà và khoảng không gian trống đều có thể lợi dụng.

Từ năm 1958, với tốc độ phát triển của những năm gần đây, sau khi đạt được ứng dụng đầu tiên của quang phổ năng lượng mặt trời (năng lượng PV) và pin năng lượng mặt trời trong lĩnh vực cung cấp năng lượng vệ tinh không gian, đèn chiếu sáng được thấy trên khắp các tuyến đường phố, bình nước nóng năng lượng mặt trời trên các mái nhà đã có thể bắt gặp ở bất cứ đâu. Năm ngoái, mạng lưới điện quốc gia có đưa ra chính sách: khi những hộ gia đình sử dụng nguồn năng lượng từ mái nhà để sản xuất ra điện năng mà sử dụng không hết thì có thể bán lại cho quốc gia, vừa để tiết kiệm lại vừa có lợi. Chính sách này có khả năng thúc đẩy một phạm vi lớn của quang

năng đi vào lĩnh vực của kiến trúc thông minh.

Năng lượng mặt trời tuy là một nguồn năng lượng sạch sẽ rất tốt nhưng hiện nay kiến trúc thông minh vẫn không được coi trọng. Trước mắt còn tồn tại hai vấn đề chủ yếu: một là năng lượng mặt trời được sử dụng nhiều ở các hộ gia đình, hệ thống năng lượng mặt trời sử dụng cho một khu dân cư lại ít; hai là đa phần năng lượng mặt trời chuyển hóa thành năng lượng nhiệt là nhiều còn chuyển hóa thành điện năng thì ít. Cần chọn ra những bộ phận khu dân cư có mật độ ít để tập trung xây dựng hệ thống năng lượng mặt trời ứng dụng thí điểm và dần dần mở rộng quy mô ứng dụng. Cần kích lệ những kiến trúc mới có diện tích mái nhà trên 2.000 m² và phù hợp với yêu cầu phát điện quang phổ, căn cứ vào yêu cầu nhất thể hóa kiến trúc quang phổ tiến hành đồng bộ quy hoạch, thiết kế, thi công và nghiệm thu. Cùng với vấn đề về nguồn tài nguyên của địa cầu đang ngày một ít đi thì ý thức bảo vệ môi trường của con người lại càng phải cao hơn, quang năng trong bối cảnh phát triển của kiến trúc thông minh là vô cùng quan trọng và rộng lớn. Trước đây tác giả đã từng nghiên cứu về một loại kiến trúc thông minh đó là căn cứ vào cường độ mạnh yếu của ánh sáng tự nhiên để có thể tự động cảm ứng mở rèm cửa. Hiện nay những cấu kiện như vậy của kiến trúc thông minh ngày một nhiều hơn.

3. Quan hệ giữa thông minh hóa với công năng

Thông minh hóa là một chức năng tối ưu nhất, thoải mái nhất, mang tính chất nhân văn nhất mà không phải là kém hơn hay thụt lùi hơn của kiến trúc thông minh.

Tính an toàn vẫn là tiền đề của kiến trúc thông minh. “Bốn nhiều” của kiến trúc thông minh là: dùng điện nhiều, cáp nhiều, máy móc nhiều, thiết bị nhiều. Kéo theo đó, những nhân tố không an toàn cũng trở nên nhiều hơn. Vì thế một yêu cầu nữa của kiến trúc thông minh là phải mang đến cho con người một cảm giác an toàn trong cuộc sống. Tính an toàn của kiến

trúc thông minh bao gồm một phạm vi rộng, như đường điện thiết bị điện có bị dò điện hay không; báo động dập lửa và hệ thống điều khiển liên kết có được hoàn thiện hay không; thiết bị phòng cháy chữa cháy hay hệ thống cung cấp điện để chiếu sáng khẩn cấp có tin tưởng hay không; hệ thống kiểm soát an toàn có được vận hành bình thường hay không... Một số đồ dùng trí tuệ phải có công năng kéo dài để con người có quá trình thích ứng, tránh có những biến đổi quá đột ngột dẫn đến những sợ hãi về tâm lý.

Kiến trúc sau khi được thông minh hóa càng trở nên hữu dụng hơn thì đó mới là mục đích của thông minh hóa. Tất cả các hệ thống con như mạng internet, tivi, điện gia dụng, thông tin, bảo vệ an toàn, phòng cháy, sưởi, giảm độ ẩm, làm mát, điều khiển... trong hệ thống thông minh hóa luôn là những hệ thống con vừa có liên quan lại vừa độc lập. Phải ngừng ngay hoạt động của một hệ thống con đã bị sự cố nếu không sẽ ảnh hưởng đến việc vận hành của cả chuỗi hệ thống thông minh hóa, tránh xảy ra sự cố không mong muốn. Đồng thời khi bố trí hệ thống thông minh hóa cần phải xem xét một cách cẩn thận chức năng sử dụng của kiến trúc.

Độ bền của chức năng cũng là một yêu cầu đối với kiến trúc thông minh. Nếu như chất lượng của thông minh hóa không đạt yêu cầu thường xuyên phải bảo dưỡng, sửa chữa sẽ làm cho người sử dụng thấy phiền. Khi hệ thống phòng cháy chữa cháy có sai sót như báo cháy giả, báo cháy loạn sẽ làm cho người sử dụng bị hoang mang sợ hãi.

4. Quan hệ giữa thông minh hóa với tiết kiệm năng lượng

Muốn đẩy mạnh xây dựng những công trình kiến trúc thông minh thì cần phải xử lý tốt quan hệ giữa thông minh hóa và vấn đề tiết kiệm năng lượng. Cùng với sự tiến bộ không ngừng của xã hội và sự phát triển không ngừng của khoa học kỹ thuật, ngày nay con người đã ngày càng nắm bắt được tầm quan trọng trong sự

phát triển của nhân loại đó là ý thức tiết kiệm năng lượng. Kiến trúc thông minh phải có lợi trong việc tiết kiệm năng lượng hay nói cách khác là con người cần những thiết bị thông minh có thể tiết kiệm năng lượng. Mà nhận thức thiết thực nhất về việc tiết kiệm năng lượng của người dân đó là tiết kiệm chi phí. Tuy sự hiểu biết này còn hạn chế song cũng vì vậy mà yêu cầu với kiến trúc thông minh là phải mang đến lợi ích cho người dân trong đó có việc tiết kiệm chi phí.

Điều quan tâm lớn nhất của người tiêu dùng đối với kiến trúc thông minh là giảm được giá đầu vào và giá sử dụng. Ví dụ đèn LED chiếu sáng trong nhà 1.5 W tương đương với đèn neon trắng hơn 100W, khi có người đi tới thì đèn sáng và khi không có người thì đèn tắt. Theo hướng dẫn của nhà sản xuất thì bóng điện này 1 năm tiêu tốn hết gần 3.000 đồng, như vậy rất tiết kiệm điện nhưng nó lại có giá hơi cao - gần 160.000/ bóng. Muốn thúc đẩy quảng bá cho

đèn LED cũng không phải là điều đơn giản. Chi phí lắp đặt đầu tiên cho một hệ thống an ninh khoảng mấy nghìn USD, phí bảo trì hàng năm khoảng mấy trăm USD thì đây là một chi phí không hề nhỏ. Thời gian đầu cải cách và mở cửa, có nơi chi phí cho lắp đặt một bộ máy điện thoại có thể lên tới 1.500 USD, một hạn chế nghiêm trọng đó là sự phổ cập điện thoại của thời điểm đó. Kiến trúc thông minh khi đó đang ở giai đoạn đào tạo.

Do đó, giảm giá thành trong kiến trúc thông minh hóa để cho những người dân bình thường cũng có thể tiếp cận được thì mới làm cho giấc mơ xây dựng những công trình kiến trúc thông minh của Trung Quốc được thực hiện.

Trần Siêu

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng Trung Quốc
số 15/2014*

ND: Khánh Ly

Các vấn đề sinh thái của năng lượng tái tạo

Ngành năng lượng tái tạo là một lĩnh vực ngày càng chiếm tỷ trọng cao hơn trong cân đối điện năng và năng lượng cấp một, là một nhân tố của sự phát triển bền vững và đang có những ưu điểm nhất định so với dạng năng lượng truyền thống (dựa trên nhiên liệu khai thác dạng các-bua hydro). Những ưu điểm đó là không thải vào khí quyển các loại khí "gây hiệu ứng nhà kính" và khí "gây biến đổi khí hậu" cũng như các loại chất thải hóa học khác. Ngoài ra, nguồn nguyên liệu các-bua hydro đang được khai thác không chỉ có trữ lượng không lớn trên trái đất mà còn là một loại nguyên liệu của công nghiệp. Trong khi đó nguồn "nhiên liệu" cho sản xuất năng lượng tái tạo là các hiện tượng "không phải chi trả" của thiên nhiên như gió, ánh sáng mặt trời, dòng chảy của sông,... Tuy nhiên, việc vận hành các nhà máy điện loại trên không tránh được việc để lại hậu quả cho sinh

quyển. Sau đây chúng ta sẽ xem xét những tác động của năng lượng tái tạo đối với thiên nhiên.

Năng lượng gió (NLG)

Sự tác động không thuận lợi của NLG lên môi trường thể hiện ở sự cần thiết sử dụng nhiều diện tích đất, ảnh hưởng tiêu cực đến thế giới động vật, tiếng ồn, nhiễu thị giác, điện từ, vô tuyến và truyền hình, bức xạ siêu âm. Các máy phát điện gió không được bố trí gần nhau nhằm tránh hiện tượng giao thoa dẫn đến giảm công suất phát điện. Do vậy, việc bố trí các trạm phát điện gió đòi hỏi diện tích đất lớn. Trạm phát điện gió cần khoảng 0,1 km² đất trống cho mỗi Mw công suất phát điện. Tương ứng, một trạm phát điện gió công suất 200 Mw cần gần 20 km².

Trong 15 năm qua, NLG phát triển tương đối nhanh. Ví dụ, từ năm 1990 sản xuất NLG tại Mỹ tăng 22,6% mỗi năm. Trên khắp thế giới, trong

những năm gần đây nhịp độ phát triển của đội ngũ các trạm phát điện gió không thấp hơn so với Mỹ. Đã có số liệu dự báo cho thấy đến năm 2020, 12% - 16% nhu cầu năng lượng của thế giới sẽ được đáp ứng bằng NLG và thông qua sử dụng các giải pháp kết cấu đã và đang được sử dụng rộng rãi hiện nay.

Mật độ dòng NLG trên chiều cao lớp khí quyển gần mặt đất mà hiện nay chúng ta có khả năng tiếp cận về mặt công nghệ là không lớn. Mật độ này đạt được giá trị hiệu quả về mặt kinh tế chỉ trên một khu vực đất đai không rộng mà chủ yếu nằm tại các nước có núi hoặc khu vực ven biển. Trên độ cao từ 6 - 8 km so với mặt đất, tình thế hoàn toàn khác. Tại đây trong các luồng gió trên khu vực các vĩ độ có độ cao trung bình và phân bố dân cư đông đúc của bán cầu Bắc mật độ NLG lớn gấp 30 - 50 lần so với tại lớp khí quyển gần mặt đất. Việc khai thác năng lượng từ những "con sông" khí quyển ổn định này đang thu hút sự quan tâm của nhiều chuyên gia.

Năm 1991, nhà khoa học Nga V.M. Liatkher đã công bố sáng chế kết cấu mới của trạm phát điện gió công suất lớn đặt trên độ cao lớn và sau đó năm 2003 đã được cấp bằng sáng chế (bằng sáng chế NO 2240444 ngày 05/5/2003 của LB Nga). Suất đầu tư vào một cụm NLG này nhỏ (công suất một trạm là 50 Mw) do vận tốc gió cao. Phần lớn trong tổng chi phí dành cho xây dựng đường dây tải điện kết nối trạm với mặt đất. Ngoài chức năng chính là sản xuất năng lượng, trạm phát điện gió loại này còn có thể được sử dụng cho mục đích phát sóng truyền thanh và truyền hình, quan sát khí tượng, thiết lập hệ thống la de bảo vệ một số công trình trên mặt đất.

Trạm phát điện mặt trời (ĐMT)

Dòng năng lượng ĐMT luôn thay đổi tùy thuộc thời gian trong ngày và điều kiện thời tiết. Những vấn đề sinh thái nảy sinh từ ĐMT thể hiện ở sự cần thiết sử dụng nhiều diện tích đất, gây ô nhiễm môi trường bởi các chất clorat và

nitrit phát sinh trong quá trình lưu chuyển của chất lỏng công tác, sự tác động lên hệ thực vật và đất đai thông qua sự che nắng tạo bóng tối bởi các tấm pin ĐMT, gây ra sự thay đổi cân bằng nhiệt và độ ẩm tại các khu vực đặt trạm ĐMT, gây nhiễu đối với truyền thanh và truyền hình, gây tác dụng nhiệt lên môi trường trong quá trình làm mát các tấm ĐMT, gây ô nhiễm môi trường thiên nhiên do quá trình sản xuất vật liệu sử dụng cho việc chế tạo trạm ĐMT, sự ảnh hưởng đến khí hậu từ các trạm ĐMT đặt trong vũ trụ.

Có thể nêu ra một số nét về giai đoạn đầu tiên của sự phát triển ĐMT. Năm 1939 nhà khoa học Pháp A. Bekerel phát minh hiệu ứng quang điện. Pin ĐMT đầu tiên (pin lưu huỳnh - talli) được chế tạo tại Viện nghiên cứu vật lý kỹ thuật Liên Xô vào năm 1930 dưới sự chỉ đạo của nhà khoa học A.F. Ioffe (nay là Viện Vật lý kỹ thuật A.F. Ioffe). Năm 1938, lần đầu tiên trên thế giới, A.F. Ioffe đã đề nghị Chính phủ phê duyệt chương trình sử dụng nguồn năng lượng được sản xuất tại các "mái nhà quang điện mặt trời".

Từ thập niên 1950, Viện Vật lý kỹ thuật đã tiến hành những nghiên cứu đầu tiên nhằm chế tạo tế bào quang điện cho ĐMT trên cơ sở chất Arsenid Galli. Liên hiệp khoa học - sản xuất "Kvant" đã lắp đặt dây chuyền sản xuất pin ĐMT arsenid-galli bảo đảm việc cấp điện cho các trạm vũ trụ liên hành tinh "Sao kim-1" và "Sao kim-2" (năm 1965) và xe tự hành mặt trăng "Lunakhod-1" (năm 1970 và 1972).

Một bước tiến quan trọng khác trong việc nghiên cứu chế tạo tế bào quang điện ĐMT được triển khai dưới sự chỉ đạo của Viện sỹ Zh.I. Alferov. Các tấm pin ĐMT kiểu khác đã được lắp đặt trên Trạm quỹ đạo "MIR" của Liên Xô.

Thủy điện

Ở nước Nga ngày nay, thủy điện chiếm tỷ trọng bằng 19,8% trong ngành năng lượng (Mỹ - 7%, Trung Quốc - 15,8%, Canada - 57%, Braxin - 82,8%, Na Uy - 98,8%). Nhược điểm lớn nhất của các nhà máy thủy điện công suất

lớn là gây ngập nước cho các vùng đất, bồi lắng các hồ chứa nước, gây đổi màu nước của hồ chứa, tiềm tàng các mối nguy hiểm do thảm họa lớn kể cả suất đầu tư cao. Ngoài ra, tại khu vực các hồ chứa nước lớn đôi khi gây ra động đất.

Trong quá trình xả lũ tại công trình thủy điện Volga (nay là thủy điện Zhiguli) đã xảy ra rung chấn đối với đập tràn. Với mục tiêu phòng ngừa sự rung chấn đối với nhà ở được xây dựng dọc theo hai bờ sông, các giới hạn về xây dựng sau đây đã được áp dụng:

- Vùng cấm xây dựng đối với nhà 9 tầng bố trí song song với cửa đập được quy định là vùng có bán kính bằng 4,6 km tính từ tâm đập còn đối với nhà 9 tầng bố trí theo hướng vuông góc với cửa đập - bán kính là 3,7 km tính từ tâm đập;
- Các vùng cấm xây dựng đối với nhà 5 tầng tương ứng là bán kính 2,5 km và 2 km;
- Bán kính của vùng cấm xây dựng nhà 14 tầng có quy hoạch mặt bằng hình vuông là 4,3 km;

Các giới hạn tương tự cũng đã được áp dụng đối với một số nhà máy thủy điện khác.

Nhà máy điện địa nhiệt

Những nhược điểm của điện địa nhiệt gồm:

- Thành phần khoáng hoá tương đối cao của nước địa nhiệt tại phần lớn các mỏ cũng như sự có mặt của các chất độc hại và kim loại trong nước địa nhiệt cho thấy trong phần lớn các trường hợp không nên thải loại nước này vào các hồ chứa nước thiên nhiên;
- Thải vào không khí các chất như sulfua hydro, khí CO₂, metan, amôniac, khí hydro, nitơ, hơi thủy ngân kể cả các chất như radi, radon. Những chất thải đó kích thích sự nóng lên toàn cầu và mưa axit, trong đó chất thải sulfua hydro là nguy hại hơn cả. Ngày nay, tính trung bình các nhà máy điện địa nhiệt thải vào khí quyển lượng khí CO₂ bằng 122 kg tính trên một Mw.h điện năng;
- Gây ô nhiễm vùng đất xung quanh bởi các loại muối có trong nước địa nhiệt, trạng thiết bị nhanh chóng bị ăn mòn, tình trạng hạ thấp bề

mặt đất và tác động tiêu cực lên các giếng phun tại khu vực xung quanh;

Tất cả các nhà máy điện địa nhiệt của nước Nga đều được xây dựng tại Kamchatka và quần đảo Kurin.

Nhà máy điện thủy triều

Kết quả chủ yếu nảy sinh từ sự tác động của các nhà máy Điện thủy triều được xây dựng bằng cách sử dụng đập chắn để ngăn cửa sông là gây giảm sự trao đổi nước tự nhiên giữa khu vực mặt nước được ngăn cách với biển. Qua đó gây ra sự thay đổi trong phân bố vận tốc dòng chảy trong khu vực vịnh; sự phân bố lại trầm tích đáy; giảm tính ổn định của môi trường nước trong vịnh (giảm độ mặn của nước, sự tăng nhiệt độ, sự ô nhiễm,...) do ảnh hưởng của các quá trình diễn ra trên mặt đất; giảm biên độ dao động của mức nước trong vịnh; giảm độ đục của nước. So với nhà máy thủy điện có cùng công suất, ảnh hưởng tiêu cực của điện thủy triều lên sinh thái ít hơn rất nhiều. Tại LB Nga hiện nay đang có 3 nhà máy điện thủy triều hoạt động là: Nhà máy Mazen (công suất 15 Gw) tại tỉnh Arkhangensk, Nhà máy Penzhin (công suất 87 Gw) tại tỉnh Kamchatka và Nhà máy Tugursk (công suất 6,8 Gw) tại tỉnh Khabarovsk.

Tuy nhiên nhà máy thủy điện các loại có thể được xây dựng trong vịnh mà không cần xây đập ngăn. Để nhà máy điện thủy triều hoạt động hiệu quả không nhất thiết thủy triều phải đạt mức cao. Điều quan trọng là làm sao để tỷ lệ giữa diện tích mặt nước vịnh và tiết diện ngang của vịnh có vai trò quyết định đối với vận tốc dòng chảy trong vịnh, đạt giá trị đủ lớn. Trong một số trường hợp các đê trên bờ có thể được xây dựng nhằm làm giảm kích thước của vịnh đến giá trị hợp lý. Việc đưa các nhà máy điện loại này vào hoạt động không đòi hỏi nhiều thời gian cũng như nhiều vốn đầu tư.

Các nhà máy điện thủy triều hoàn toàn an toàn sinh thái.

Nhà máy điện sóng

Các nhà máy điện sóng bảo đảm an toàn sinh thái nhất. Các nhà máy điện này chỉ gây khó khăn cho các phương tiện đi lại đường thủy (như tàu, thuyền).

Nhà máy phát điện trên cơ sở năng lượng thẩm lọc (trạm phát điện muối)

Nhà máy phát điện trên cơ sở thẩm lọc đầu tiên trên thế giới công suất 4 kw đã được Cty năng lượng “Statkraft” đưa vào hoạt động tháng 11/2009 tại địa điểm cách thành phố Oslo 60 km. Các hậu quả sinh thái do sự hoạt động của các nhà máy điện muối liên quan đến việc gây tổn hại cho các tổ chức sống trong quá trình lấy nước và trên các màng lọc, gây ra sự tác động đến các loại nước ngọt trong quá trình xả nước có độ mặn cao, gây ra sự thay đổi của sự tuần hoàn của nước, mà sự thay đổi này ảnh hưởng đến sự di chuyển của các chất dinh dưỡng và nồng độ ô xy; các chất biotsid độc hại được sử dụng cho việc ngăn ngừa tình trạng bản màng lọc bị rơi vào chuỗi dinh dưỡng.

Năng lượng dòng hải lưu

Dòng hải lưu Gønstim vận chuyển một lượng nước lớn gấp 50 lần lượng nước của tất cả các con sông trên thế giới cộng lại. Trên cơ sở hải lưu Gønstim các nhà máy điện có khả năng sản xuất lượng điện với công suất lên đến trên 100 triệu kw. Việc sản xuất điện được dựa vào động năng của nước chuyển động (tương tự như các nhà máy điện gió phát điện dựa vào chuyển động của không khí).

Ảnh hưởng của các nhà máy điện dựa trên dòng hải lưu đối với môi trường còn chưa được nghiên cứu. Rõ ràng là tác động chủ yếu của nhà máy điện loại này là gây chết cá và các loại động vật có vú sống ở biển do va chạm với cánh quạt của tuốc bin, kể cả sự thay đổi đặc tính tuần hoàn của nước kèm theo các hậu quả tiêu cực đối với một số loài sinh vật sống dưới nước. Nhược điểm quan trọng của nhà máy phát điện dựa trên dòng hải lưu là xa đất liền do đó giá thiết bị cũng như chuyển tải điện cũng cao.

Năng lượng do sự chênh lệch nhiệt độ ở

đại dương

Sự chênh lệch nhiệt độ được xem là một nguồn phát điện do ánh sáng mặt trời chỉ làm nóng lớp nước biển ở trên bề mặt còn lớp nước biển ở độ sâu đủ lớn thì không bị ánh sáng mặt trời làm nóng và vẫn ở trong trạng thái lạnh. Hơi nước hình thành từ quá trình làm nguội nước biển nóng bằng nước biển lạnh lấy từ dưới sâu sẽ làm quay tuốc bin phát điện.

Các nhà máy điện loại này có khả năng làm thay đổi sự tuần hoàn của nước, phá vỡ cân bằng sinh học và làm biến đổi khí hậu.

Ngoài ra, việc chế tạo các trạm phát điện cần sử dụng nhiều kim loại màu (magiê, titan,...) và các loại vật liệu tổng hợp mới mà các loại vật liệu đó gây ô nhiễm nghiêm trọng đối với môi trường thiên nhiên.

Năng lượng sinh khối

Xu hướng chính đối với sự phát triển của ngành năng lượng sinh khối là chế biến bằng phương pháp sinh học đối với chất thải hữu cơ của lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi kể cả các thành phần hữu cơ có trong rác sinh hoạt (đó là chưa kể một khối lượng rất lớn chất thải của lĩnh vực sản xuất sản phẩm từ gỗ và chế biến gỗ).

Xét về mặt tác động lên môi trường, việc sản xuất điện từ sinh khối được xem là lĩnh vực năng lượng bảo đảm an toàn sinh thái hơn cả do hoạt động này tạo điều kiện cho việc giảm ô nhiễm môi trường bởi các loại chất thải. Thêm vào đó, các quá trình lên men chế biến sinh khối thành etanol làm nảy sinh một khối lượng lớn các loại sản phẩm phụ (nước rửa và các chất còn sót lại sau khi chưng cất) có khả năng gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, các hiện tượng sau cũng phát sinh như ô nhiễm nhiệt, sự giảm lượng chất hữu cơ trong đất, làm đất kiệt màu và xói mòn đất.

Năng lượng hydro

Lĩnh vực năng lượng hydro đang trở nên một vấn đề cấp thiết không chỉ do tình trạng cạn kiệt các nguồn tài nguyên dầu mỏ và khí đốt mà còn do việc sản xuất hydro cần chi phí một lượng

năng lượng còn lớn hơn cả lượng năng lượng nhận được khi đốt hydro (ô xy hoá).

Dạng năng lượng trên có những đặc tính mới gắn với việc lưu giữ, vận chuyển và quá trình “đốt” sạch sinh thái tại nơi tiêu thụ, thường là tại các siêu đô thị, các khu vực nghỉ dưỡng và tại các địa điểm khó tiếp cận.

Một đặc điểm không kém phần quan trọng của loại năng lượng này là quá trình đốt hydro sản sinh ra nước - một tài nguyên cũng đang trong tình trạng thiếu thốn tại nơi tiêu thụ dạng năng lượng này. Tuy nhiên, hỗn hợp hydro với không khí là hỗn hợp dễ cháy nổ nếu trong hỗn hợp có chứa từ 4% đến 74,2 % hydro.

Việc tuân thủ các tiêu chuẩn và quy phạm khai thác kết cấu hạ tầng liên quan đến năng lượng hydro tương ứng với mức độ an toàn đối với các hệ thống kỹ thuật hiện đại sử dụng dạng năng lượng các bua hydro.

Như vậy, đến nay chúng ta đã có các sự lựa chọn đối với công nghệ năng lượng được phát triển dựa trên năng lượng tái tạo không sử dụng nhiên liệu.

Năm 2010 tổng công suất các nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo cho việc sản xuất điện (như gió, ánh sáng mặt trời, địa nhiệt và hải

lưu) đạt đến 388 Gw, cao hơn tổng công suất của các nhà máy điện nguyên tử trên thế giới.

Xét theo tốc độ phát triển, đứng thứ nhất là ĐMT. Năm 2010, trên thế giới đã xây dựng được các nhà máy ĐMT với tổng công suất bằng 27,2 Gw, trong đó Đức: 7 Gw, Italia: 5,6 Gw, Séc: 1,2 Gw, Nhật Bản: 1 Gw. Tốc độ tăng trưởng sản xuất của ĐMT bằng 118% so với năm 2009.

Kết luận

Năm vững công nghệ sử dụng năng lượng tái tạo, loài người sẽ không bị đe dọa bởi khủng hoảng năng lượng do sự cạn kiệt các nguồn dầu mỏ, khí đốt và than đá. Thêm vào đó, việc sử dụng năng lượng tái tạo sẽ góp phần giải quyết một phần vấn đề ô nhiễm môi trường sống do chất thải từ các nhà máy điện và các phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu các bua hydro, góp phần kéo dài tuổi thọ và nâng cao chất lượng cuộc sống.

V.V. Aleksashina

Nguồn: Tạp chí Xây dựng Công nghiệp và dân dụng, số 2/2014

ND: Huỳnh Phước

Vấn đề tiết kiệm năng lượng giảm phát thải trong ngành điện lực và biện pháp ứng phó

I. Con đường chủ yếu tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải điện lực

Trong ngành điện lực Trung Quốc, các doanh nghiệp nhiệt điện đóng vai trò hết sức quan trọng. Các doanh nghiệp này vừa là nơi sản xuất nguồn năng lượng sạch, vừa là nơi tiêu thụ năng lượng lớn. Sự cao thấp trong mức xả thải và tỷ lệ chuyển hóa năng lượng của các doanh nghiệp này đều sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới việc thực hiện mục tiêu tiết kiệm năng lượng giảm phát thải của Trung Quốc. Con đường tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải của các doanh nghiệp nhiệt điện gồm các loại dưới đây:

- Thông qua ngừng sử dụng các tổ máy nhiệt điện nhỏ đồng thời xây dựng các tổ máy có dung lượng lớn, ít hao phí năng lượng, hiệu suất cao, ít phát thải để tối ưu hóa và giảm hao phí về mặt kết cấu.

- Thông qua nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các kỹ thuật mới, công nghệ và thiết bị mới để thúc đẩy doanh nghiệp nâng cấp kỹ thuật, đạt tới tối ưu hóa và giảm hao phí về mặt kỹ thuật.

- Thông qua các biện pháp tiết kiệm năng lượng hợp lý, tận dụng biện pháp công nghệ hóa để kiểm soát, giám sát tình hình khử lưu

huỳnh và tiêu thụ than nhằm đạt tới tối ưu hóa và giảm hao phí về mặt quản lý.

II. Những vấn đề tồn tại trong tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải điện lực

Hiện tại, dưới sự thúc đẩy mạnh mẽ của Chính phủ, các doanh nghiệp điện lực có quy mô nhỏ, vừa và lớn đều đang tích cực sử dụng các biện pháp nhằm đạt tới mục tiêu tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải. Sự nỗ lực chung của Chính phủ và các doanh nghiệp, công tác tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải bước đầu đã có hiệu quả, song vẫn còn tồn tại một số vấn đề không thể bỏ qua.

1. Vấn đề về cơ chế dài lâu trong tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải điện lực

Trung Quốc lâu nay vẫn khá coi trọng công tác tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải. Quốc vụ viện không những ban hành phương án riêng mà còn căn cứ theo những đặc điểm khác nhau của các ngành nghề để đề ra những chính sách và quy định pháp luật tương ứng. Tuy nhiên, việc thực thi công tác tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải điện lực giai đoạn hiện nay chủ yếu vẫn dựa vào các quy định pháp luật mang tính hành chính, thông qua cơ chế thị trường để thúc đẩy tiến độ công tác tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải còn chưa đủ, chưa phát huy tác dụng tích cực trong việc kết hợp các biện pháp với nhau. Vì vậy, nghiên cứu và xây dựng cơ chế hiệu quả dài lâu của công tác tiết kiệm năng lượng giảm phát thải điện lực, lợi dụng tác động tương hỗ của pháp luật và cơ chế thị trường hiệu quả lâu dài để đảm bảo cho mục tiêu tiết kiệm năng lượng giảm phát thải được hoàn thành nhanh hơn, tốt hơn.

2. Vấn đề lợi ích kinh tế của các doanh nghiệp điện lực

Hiện tại, dưới ảnh hưởng của môi trường thị trường, giá điện và giá nhiên liệu (than) trực tiếp ảnh hưởng tới lợi ích kinh tế của các doanh nghiệp điện lực, đặc biệt là doanh nghiệp nhiệt điện. Những năm gần đây, cùng với sự gia tăng của giá than, phí xả thải và nước thải, vấn đề lợi

nhuận của các doanh nghiệp nhiệt điện trở nên khá nghiêm trọng. Đặc biệt trong mấy năm gần đây, giá than tăng cao đã tạo áp lực lớn và ảnh hưởng trực tiếp tới việc thực hiện mục tiêu tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải của các doanh nghiệp nhiệt điện.

3. Vấn đề phân bố của các doanh nghiệp điện lực

Nguồn năng lượng của các doanh nghiệp nhiệt điện chủ yếu là than, cho nên trong quá trình lựa chọn địa điểm, các doanh nghiệp này đều coi chi phí sử dụng than làm điểm cần chú trọng. Điều này đã khiến các doanh nghiệp xem nhẹ sức chịu tải của môi trường. Hiện tượng các doanh nghiệp nhiệt điện hình thành theo nhóm đã gây ra ô nhiễm không khí trong khu vực cục bộ, phá hoại môi trường sinh thái khu vực xây dựng nhà máy.

4. Các vấn đề khác

Công tác tiết kiệm năng lượng giảm phát thải của các doanh nghiệp nhiệt điện còn chịu ảnh hưởng của rất nhiều nhân tố, ví dụ chất lượng và hiệu quả vận hành của thiết bị khử lưu huỳnh, chất lượng than kém... Chất lượng của thiết bị khử lưu huỳnh không cao, kinh nghiệm vận hành không nhiều hoặc việc vận hành thiết bị không bình thường đều khiến hiệu quả khử lưu huỳnh không đạt tiêu chuẩn; chất lượng than không cao khiến nhiệt lượng giảm, lượng tro và lượng lưu huỳnh tăng, điều này không những làm tổn hại nghiêm trọng tới thiết bị mà còn khiến hao phí điện năng sử dụng trong nhà máy tăng lên, giảm hiệu suất phát điện.

III. Một số biện pháp tiết kiệm năng lượng giảm phát thải điện lực

Quy hoạch vĩ mô

Đối với toàn ngành điện lực mà nói, quy hoạch vĩ mô cực kỳ quan trọng. Có thể căn cứ theo các đặc điểm như sự phân bố nguồn năng lượng, nhu cầu lượng điện, sự phân bố hiện tại của các doanh nghiệp điện lực... để xác định phương án bố trí tài nguyên tốt nhất, xác định lưu lượng và quá trình vận chuyển nguồn năng

lượng tốt nhất, xây dựng tổ máy vừa hiệu quả vừa tiết kiệm năng lượng, tối ưu hóa kết cấu nhiệt điện.

Nâng cao tỷ lệ tận dụng phát điện từ nguồn năng lượng tái tạo

Nâng cao tỷ lệ tận dụng phát điện từ nguồn năng lượng tái tạo như thủy điện, phong điện... cũng là phương pháp hữu hiệu thúc đẩy tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải. Sử dụng cơ chế kết hợp giữa các quy định hành chính pháp luật và cạnh tranh thị trường cũng là biện pháp hiệu quả nâng cao hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp, thúc đẩy tiết kiệm năng lượng giảm phát thải, giúp bố trí hợp lý nguồn tài nguyên.

Điều chỉnh biện pháp quản lý để nâng cao lợi ích kinh tế

Biện pháp quản lý hợp lý là một trong những phương pháp quan trọng nâng cao lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp, đồng thời, công tác tiết kiệm năng lượng giảm phát thải của các doanh nghiệp điện lực có được thực thi thuận lợi hay không và đạt được thành quả tương ứng như thế nào thì cũng đều liên quan tới biện pháp quản lý của doanh nghiệp. Công tác quản lý có thể phân làm 2 tầng lớp sau:

- Quản lý hành chính của doanh nghiệp.
- Quản lý việc vận hành tổ máy phát điện.

Có thể căn cứ theo đặc điểm của 2 phương diện này để đề ra các biện pháp quản lý tương ứng, nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường của nhân viên, bồi dưỡng tính tự giác của mọi người về tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường; ngừng vận hành một bộ phận tổ máy nhỏ, tăng cường hiệu suất vận hành tổ máy phát điện, tối ưu hóa tối đa sự bố trí nguồn năng lượng.

Điều chỉnh bố cục công nghiệp điện lực giúp kết cấu điện lực trở nên khoa học

Tỷ lệ sử dụng điện trong công nghiệp luôn cao hơn nhiều so với lượng điện sử dụng cho các phương diện khác. Sự phát triển nhanh chóng của ngành công nghiệp là nguyên nhân

căn bản cho sự tăng trưởng nhanh của lượng điện sử dụng. Để hạn chế sự tăng trưởng nhanh của lượng điện sử dụng, cần xuất phát từ tình hình thực tế trong phát triển công nghiệp, thông qua điều chỉnh kết cấu công nghiệp để giải quyết lượng điện hao phí cao và vấn đề tiết kiệm năng lượng trong công nghiệp.

Việc xây dựng bờ bãi các nhà máy nhiệt điện dẫn tới mất cân bằng cung cầu lượng than đồng thời gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường khu vực cục bộ. Để đạt được mục đích tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, bảo vệ môi trường, cần tránh xây dựng các nhà máy nhiệt điện một cách thiếu trật tự. Chỉ có xuất phát từ nguồn gốc vấn đề để tiến hành quy hoạch hợp lý mới giải quyết vấn đề một cách căn bản

Những năm gần đây, tuy lượng xả thải SO₂ của ngành nhiệt điện Trung Quốc tỷ lệ nghịch với lượng phát điện của các nhà máy nhiệt điện thế nhưng tình hình ô nhiễm không khí tại Trung Quốc vẫn không thể xem nhẹ. Khu vực mưa axit đã chiếm 1/3 tổng diện tích lục địa Trung Quốc, hơn nữa Trung Quốc lại là nước có lượng phát thải SO₂ nhiều nhất. Vì vậy, các thiết bị khử lưu huỳnh trong các nhà máy nhiệt điện là hết sức quan trọng. Muốn triệt để giảm phát thải, thiết bị khử lưu huỳnh phải được vận hành bình thường. Tuy nhiên, việc đốt than không chỉ làm sản sinh SO₂ mà còn sản sinh CO₂ và NO_x... Việc phát thải quá nhiều CO₂ gây ra hiệu ứng nhà kính, trái đất nóng lên cũng là những vấn đề môi trường được quan tâm chú ý. Lượng NO_x được phát thải quá nhiều cũng sẽ gây ô nhiễm cho môi trường. Cho nên, ngành nhiệt điện đạt tới mục tiêu cuối cùng là khử Lưu huỳnh, khử Ni tơ và khử Cacbon.

Kiên toàn các quy định pháp luật, tăng cường công tác giám sát

Các doanh nghiệp nhiệt điện là lực lượng cốt lõi trong ngành điện lực Trung Quốc. Các doanh nghiệp này dựa vào sự chuyển đổi nhiệt năng để sản xuất ra điện năng sạch, trong khi đó sản xuất nhiệt năng cũng là một quá trình

hao phí năng lượng. Nguồn năng lượng mà các nhà máy nhiệt điện tiêu hao là than. Trong quá trình than chuyển hóa thành điện năng sẽ sản sinh ra rất nhiều các khí thể gây ô nhiễm môi trường. Những khí thể này sẽ gây ra mưa axit, hiệu ứng nhà kính... Ngành điện lực nếu muốn thực sự đạt tới mục tiêu tiết kiệm năng lượng giảm phát thải thì cần phải kiện toàn cơ chế hiệu quả lâu dài trong tiết kiệm năng lượng giảm phát thải, lợi dụng sự kết hợp giữa các quy định pháp luật và các biện pháp thị trường để hỗ trợ đẩy mạnh quy hoạch vĩ mô mang tầm

quốc gia, điều chỉnh kết cấu chính thể ngành điện lực giúp kết cấu ngành điện lực trở nên khoa học. Ngoài ra, tăng cường kiểm soát lượng phát thải các khí thể ô nhiễm và đề ra các quy định pháp luật tương ứng cũng sẽ giúp ngành điện lực thực hiện được mục tiêu nhanh hơn và tốt hơn.

*Nguồn: <http://www.chinajnsb.cn>
(Mạng tiết kiệm năng lượng giảm phát thải
Trung Quốc)
ND: Kim Nhạn*

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tiếp Bộ trưởng Bộ Ngoại thương và Đầu tư nước ngoài Cu-ba Rodrigo Malmierca Diaz

Ngày 03/9/2014 tại trụ sở Cơ quan Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã có buổi tiếp thân mật và làm việc với đoàn công tác của Chính phủ Cu-ba do Bộ trưởng Bộ Ngoại thương và Đầu tư nước ngoài Rodrigo Malmierca Diaz dẫn đầu đang có chuyến thăm và công tác tại Việt Nam.

Cùng dự buổi tiếp và làm việc với đoàn Cu-ba có Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam, Chánh Văn phòng Bộ Đỗ Đức Duy và lãnh đạo các Vụ chức năng của Bộ Xây dựng.

Tại buổi tiếp, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng bày tỏ vui mừng được đón Bộ trưởng Rodrigo Malmierca Diaz và đoàn công tác của Chính phủ Cu-ba đến thăm và làm việc tại Việt Nam đúng dịp Quốc khánh 2-9 của Việt Nam, đồng thời chúc cho chuyến công tác của Bộ trưởng Rodrigo Malmierca Diaz thành công tốt đẹp.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng vui mừng về kết quả làm việc giữa Chính phủ hai nước trong dịp Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng thăm chính thức Cu-ba vào cuối tháng 3/2014. Hai bên đã trao đổi, thảo luận và ký kết Chương trình nghị sự hợp tác kinh tế song phương - một văn bản pháp lý quan trọng là cơ sở cho việc xây dựng các kế hoạch trung hạn về hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư dựa trên tiềm năng và thế mạnh của mỗi bên.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng bày tỏ phấn khởi trước những kết quả đã đạt được trong khuôn khổ hoạt động của UBLCP Việt Nam – Cu-ba thời gian qua, đặc biệt là kết quả hợp tác trong lĩnh vực thương mại, nông nghiệp, công nghệ sinh học và y tế, giáo dục, khoa học công nghệ, dầu khí, xây dựng, văn hóa - thể thao và du lịch. Các dự án hợp tác sản xuất lúa gạo, ngô, đậu tương và hợp tác trong lĩnh vực thủy sản đang được triển khai theo đúng mục tiêu và kế hoạch



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng hội đàm với Bộ trưởng Rodrigo Malmierca Diaz

đề ra, sẽ góp phần nâng cao sản lượng lương thực hàng năm và đáp ứng một phần nhu cầu lương thực của Cuba, về lâu dài sẽ giúp Cu-ba đảm bảo được an ninh lương thực. Tổng Công ty lương thực miền Bắc (Vinafood 1) đã hoàn thành việc giao 200.000 tấn gạo theo hợp đồng Chính phủ năm 2014 và hai bên đã ký hợp đồng thương mại 68.000 tấn gạo. Dự án nghiên cứu thăm dò hai lô dầu khí mới do Cu-ba cung cấp đang được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam lập báo cáo tiền khả thi, và hy vọng sẽ thu được những kết quả tích cực để có thể tiến tới ký kết dự án hợp tác thăm dò, khai thác dầu khí tại Cu-ba. Thực hiện thỏa thuận giữa lãnh đạo hai nước, Tổng Công ty Viễn thông quân đội của Việt Nam (Viettel) đã hoàn thiện dự án hợp tác kinh doanh với Cu-ba và đã được chuyển cho Đại sứ Cu-ba tại Việt Nam để thúc đẩy việc phê duyệt đề xuất của Viettel. Theo đó, Viettel sẵn sàng thực hiện hợp tác với Cu-ba thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổng giá trị dự án là 250 triệu Euro, sẵn sàng hợp tác với công ty Etecsa Cu-ba dựa trên mạng lưới sẵn có của công ty này hoặc xây dựng một mạng lưới mới, hoặc sẵn sàng hợp tác với một đối tác khác do Nhà nước Cu-ba chỉ định.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng ghi nhận các kết quả hợp tác giữa hai bên trong lĩnh vực công nghệ sinh học và y tế, từ hoạt động thương mại trong lĩnh vực này đã tiến tới hợp tác sản xuất thuốc tại Việt Nam. Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đánh giá cao việc Chính phủ Cu-ba tiếp tục duy trì cung cấp 20 suất học bổng cho học sinh Việt Nam mỗi năm, đây sẽ là nguồn nhân lực quan trọng góp phần làm cầu nối thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa hai bên.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, năm 2015 hai nước sẽ kỷ niệm 55 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao, do đó, nhiệm vụ của các Phân ban LCP hai bên cần có sự phối hợp chặt chẽ để triển khai hiệu quả các nội dung hợp tác đã ký kết, để có được những kết quả cụ thể chào mừng sự kiện quan trọng này.

Bày tỏ vui mừng được sang thăm Việt Nam đúng vào dịp Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam, Bộ trưởng Rodrigo Malmierca Diaz cảm ơn sự đón tiếp thân tình của Chính phủ, các Bộ, ngành và nhân dân Việt Nam, trong đó có sự đón tiếp hết sức chu đáo của Bộ Xây dựng, đồng thời bày tỏ đồng tình với Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng về những kết quả tốt đẹp của chuyến thăm chính thức Cu-ba của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng vào tháng 3/2014 với việc hai bên đã ký kết Chương trình nghị sự hợp tác kinh tế song phương, và Chương trình này đã được Hội đồng Nhà nước Cu-ba phê chuẩn vào tháng 8/2014.

Về hoạt động của UBLCP Việt Nam – Cu-ba, Bộ trưởng Rodrigo Malmierca Diaz cho biết, hiện nay, Phân ban LCP hai bên đang nỗ lực

thực hiện các thỏa thuận đã ký kết tại kỳ họp trước và tích cực chuẩn bị nội dung cho kỳ họp tới tại Cu-ba vào tháng 10 năm nay. Bộ trưởng Rodrigo Malmierca Diaz cho biết, Luật Đầu tư nước ngoài của Cu-ba mới được ban hành có những đổi mới quan trọng về thu hút đầu tư nước ngoài. Với mong muốn thúc đẩy quan hệ hợp tác, thu hút các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Cu-ba, Đại sứ quán Cu-ba tại Hà Nội sẽ phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức buổi hội thảo quảng bá Luật Đầu tư nước ngoài mới của Cu-ba vào ngày 4/9 tại Hà Nội.

Nhất trí với Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng về công tác phối hợp chỉ đạo các cơ quan liên quan của hai bên triển khai có hiệu quả các chương trình đã ký kết để có những kết quả thiết thực và cụ thể chào mừng 55 năm hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao, Bộ trưởng Rodrigo Malmierca Diaz cho rằng, nhiệm vụ của hai bên là phải thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư cho tương xứng với quan hệ chính trị truyền thống tốt đẹp giữa hai nước.

Kết thúc buổi làm việc, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Bộ trưởng Rodrigo Malmierca Diaz đã thống nhất việc tiếp tục cụ thể hóa các chủ trương của hai Đảng, hai Chính phủ. Trước hết là cụ thể hóa Chương trình nghị sự hợp tác kinh tế song phương, xây dựng các chương trình hợp tác hàng năm, xây dựng các dự án hợp tác cụ thể dựa trên tiềm năng, thế mạnh của mỗi bên để mang lại những lợi ích thiết thực, hiệu quả kinh tế - xã hội cho cả hai bên.

Minh Tuấn

Hội nghị lần thứ I - Ban chỉ đạo Chương trình Phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020

Ngày 05/9/2014, tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo (BCĐ) Chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012 - 2020 đã tổ chức Hội nghị lần thứ I dưới sự chủ trì của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng - Trưởng Ban chỉ đạo. Tham

dự Hội nghị có đông đủ thành viên BCĐ là đại diện 08 Bộ ngành liên quan; thành viên Tổ công tác liên ngành đại diện cho các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Bộ trưởng Bộ

Xây dựng Trịnh Đình Dũng - Trưởng BCĐ cho biết: Để hiện thực hóa Quyết định số 1659/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012 - 2020, BCĐ Chương trình và Tổ công tác liên ngành giúp việc cho BCĐ đã được thành lập (Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 11/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ, và Quyết định số 1194/QĐ-BCĐPTĐT ngày 28/11/2013 của Trưởng BCĐ). Đồng thời, Quy chế hoạt động - tổ chức của BCĐ và Tổ công tác liên ngành; kế hoạch triển khai Quyết định 1659 giai đoạn đến 2015 và 2020 cũng được xây dựng, làm cơ sở để hai bên cùng phối hợp thống nhất, cụ thể hóa và triển khai có hiệu quả các quyết định chiến lược quan trọng Chính phủ đề ra trong giai đoạn công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước đối với lĩnh vực phát triển đô thị.

Đánh giá chung tình hình phát triển các đô thị Việt Nam những năm gần đây, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng nhận định: các đô thị đã, đang và sẽ có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước; kinh tế đô thị ước tính đóng góp xấp xỉ 72% GDP cả nước. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng khích lệ, hệ thống đô thị Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn (ùn tắc giao thông; ô nhiễm môi trường; tình trạng ngập úng...). Sự phát triển đô thị cũng còn nhiều bất cập, thể hiện rõ nhất ở tình trạng phát triển tự phát, thiếu quy hoạch và kế hoạch. Nhằm khắc phục những tồn tại nêu trên, với vai trò là cơ quan đầu mối của BCĐ, Bộ Xây dựng đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ ngành liên quan, thực hiện tốt một số nhiệm vụ quan trọng. Đối với nhiệm vụ hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, nhiều Luật và Nghị định trong lĩnh vực quy hoạch, quản lý phát triển đô thị đã được Bộ Xây dựng tham mưu, trình Chính phủ ban hành và đang tiếp tục xây dựng để ban hành (như Luật Nhà ở, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng 2014...). Đó sẽ là những công cụ hữu hiệu giúp Nhà nước kiểm soát chặt chẽ công tác đầu tư



Bộ trưởng phát biểu tại Hội nghị

phát triển đô thị theo quy hoạch - kế hoạch và có chất lượng. Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng cùng Bộ Nội vụ đang xây dựng mô hình Chính quyền đô thị, xây dựng Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; phối hợp với các địa phương xem xét trình Thủ tướng Chính phủ cho phép điều chỉnh danh mục phân loại đô thị giai đoạn đến năm 2015 và 2020, các quy hoạch vùng, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chuyên ngành... Đối với nhiệm vụ tăng cường quản lý đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư và Chính quyền các địa phương xem xét khuyến khích đầu tư trong các lĩnh vực thoát nước, xử lý nước thải, cải thiện môi trường. Trong việc thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ và môi trường, Bộ Xây dựng đã phối hợp cùng Bộ Khoa học & Công nghệ, Bộ Tài nguyên & Môi trường và các địa phương tổ chức thực hiện Đề án Phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu; nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng công trình / nhà ở như công nghệ mới tiết kiệm năng lượng, vật liệu xây dựng thân thiện môi trường; nghiên cứu phát triển công trình ngầm đô thị, phát triển đô thị xanh...

Để phát huy hơn nữa vai trò của BCĐ trong thời gian tới, bên cạnh việc đề xuất nhóm giải pháp đối với công tác quy hoạch và quản lý phát triển đô thị; tăng cường kiểm soát phát triển; hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về quy hoạch; tạo điều kiện huy động tối đa

nguồn lực cho hoạt động đầu tư, cải tạo, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị, Trưởng BCD - Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng cũng nhấn mạnh: cần có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ hơn giữa cơ quan đầu mối và các Bộ ngành TW, các địa phương, nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình Phát triển đô thị.

Tại Hội nghị, thay mặt Tổ công tác liên ngành, ông Đỗ Việt Chiến - Cục trưởng Cục Phát triển đô thị, Bộ Xây dựng đã trình bày dự kiến kế hoạch hành động năm 2014 - 2015 của BCD, Dự thảo báo cáo Thủ tướng Chính phủ tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012 -2020, và

kiến nghị kiện toàn thành viên BCD. Về cơ bản, các thành viên BCD đều bày tỏ sự đồng thuận với các báo cáo. Đồng thời, các thành viên BCD và thành viên Tổ công tác liên ngành cũng đề xuất đưa vào kế hoạch hoạt động các công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả hàng năm và sau 5 năm thực hiện Chương trình, nhằm đúc kết kinh nghiệm và triển khai thực hiện một cách hiệu quả nhất các mục tiêu - phát triển đô thị hiệu quả, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên và nguồn lực, góp phần vào sự phát triển kinh tế đất nước.

Lệ Minh

Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội làm việc về tình hình phát triển nhà ở xã hội và cải tạo nhà chung cư cũ trên địa bàn thành phố

Ngày 09/9/2014, Đoàn công tác của Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội do Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng dẫn đầu đã đi khảo sát thực địa tại một số dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, bao gồm dự án nhà ở thu nhập thấp Bắc Cổ Nhuế - Chèm, Tây Nam Linh Đàm, dự án nhà ở sinh viên Pháp Vân trên địa bàn thành phố Hà Nội. Sau khi khảo sát thực tế, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã có buổi làm việc với lãnh đạo Thành phố Hà Nội tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng.

Tham dự buổi làm việc còn có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam và lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện của Bộ Xây dựng, đại diện Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản; về phía UBND thành phố Hà Nội có Phó Chủ tịch Nguyễn Ngọc Tuấn và đại diện lãnh đạo các Sở, ngành liên quan.

Báo cáo tại buổi làm việc, đại diện lãnh đạo Sở Xây dựng Hà Nội cho biết, hiện nay trên địa bàn thành phố có 66 dự án phát triển nhà ở xã



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi làm việc

hội đã và đang được triển khai, với khoảng 5.016.177 m² sàn nhà ở xây dựng. Trong đó có 44 dự án nhà ở xã hội, nhà ở thu nhập thấp với khoảng 37.800 căn hộ, 10 dự án nhà ở sinh viên đáp ứng cho khoảng 39.114 sinh viên, 12 dự án nhà ở công nhân, đáp ứng cho khoảng trên 40.000 công nhân.

Trên cơ sở triển khai thực hiện quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, quy hoạch phân

khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, thành phố Hà Nội đã bố trí quỹ đất phát triển xã hội bằng nhiều hình thức, đến nay thành phố có 60 khu đất cho phát triển nhà ở xã hội, với tổng diện tích khoảng 348 ha.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của Bộ Xây dựng, sự vào cuộc tích cực của thành phố và các doanh nghiệp, đến nay đã có 9/44 dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp đã được hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2013 với 419.669 m² sàn xây dựng; 03 dự án dự kiến hoàn thành năm 2014 với khoảng 115.065 m² sàn xây dựng; 08 dự án dự kiến hoàn thành năm 2015 với khoảng 708.283 m² sàn xây dựng; 24 dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng sau năm 2015 với khoảng 2.572.675 m² sàn xây dựng;

Đã có 04/12 dự án phát triển nhà ở công nhân được hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2013 với 183.266 m² sàn; 03 dự án dự kiến hoàn thành năm 2015, với khoảng 98.696 m² sàn, 05 dự án với diện tích sàn 556.448 m² dự kiến sẽ hoàn thành sau năm 2015.

Trong tổng số 10 dự án nhà ở sinh viên với tổng diện tích sàn 362.775 m² đã có 04 dự án được đưa vào sử dụng năm 2013, 02 dự án dự kiến hoàn thành năm 2014 và 04 dự án dự kiến hoàn thành năm 2015.

Về tình hình cải tạo chung cư cũ, nhà cũ, đại diện lãnh đạo Sở Xây dựng Hà Nội cho biết, trên địa bàn thành phố có khoảng 1.155 nhà chung cư 3 - 5 tầng do cơ quan quản lý nhà của thành phố đang quản lý bán theo Nghị định 61 (chưa bao gồm 357 khu nhà do các cơ quan tự quản, tự xây dựng đã bán theo Nghị định 61, hoàn thành công tác chuyển giao cho chính quyền địa phương quản lý được thống kê, cập nhật tháng 8/2014) và 10 khu nhà ở thấp tầng (hầu hết đã bán theo Nghị định 61). Trong đó, có hơn 200 nhà chung cư có kết cấu lắp ghép tấm lớn với diện tích gần 500.000 m² sàn, được xây dựng từ trước năm 1980 và hầu hết chưa được tính đến thiết kế kháng chấn, tập trung tại

4 quận nội thành cũ (khu vực hạn chế phát triển theo quy hoạch chung được phê duyệt), đến nay đã hết niên hạn sử dụng và xuất hiện tình trạng nguy hiểm với hệ thống hạ tầng đã xuống cấp, cần được cải tạo, xây dựng lại.

Việc cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ, xuống cấp đã được Thành phố quan tâm, chỉ đạo, tuy nhiên việc thực hiện gặp rất nhiều vướng mắc, khó khăn do quy hoạch cũng như công tác di dời, tái định cư, giải phóng mặt bằng, nền kinh tế gặp khó khăn... nên việc triển khai còn chậm.

Để tháo gỡ khó khăn cho việc cải tạo nhà chung cư cũ, UBND thành phố Hà Nội đã đề nghị Bộ Xây dựng kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ theo hướng cho phép điều chỉnh tăng các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc (xác định đối với từng khu chung cư cũ tại khu vực 4 quận nội thành cũ, phù hợp theo vị trí, đặc điểm của từng phân khu quy hoạch trong khu vực nội đô lịch sử) xây dựng cao tầng (21 - 27 tầng) đảm bảo tái định cư tại chỗ. Diện tích sàn xây dựng các tầng tăng thêm được phép bán cho các hộ có hộ khẩu tại 4 quận nội thành cũ, đảm bảo tính khả thi của dự án, cải thiện điều kiện ở của người dân, đồng thời không tăng thêm dân cư khu vực nội đô.

Bên cạnh đó, UBND thành phố Hà Nội cũng đề nghị ban hành quy định bổ sung trong Nghị định về quản lý chất lượng công trình, trong đó, đối với những nhà chung cư chưa có thiết kế kháng chấn, không đảm bảo yêu cầu an toàn khi động đất cũng phải tổ chức di dời.

Sau khi nghe báo cáo của thành phố Hà Nội, kiến nghị của các doanh nghiệp phát triển nhà ở xã hội dự buổi làm việc, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã phát biểu kết luận.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, qua kiểm tra thực tế các dự án phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố cũng như ở nhiều tỉnh thành khác, đã cho thấy mục tiêu phát triển nhà ở xã hội là hết sức đúng đắn, đáp ứng được nhu cầu

cải thiện nhà ở của một bộ phận lớn nhân dân - những người có thu nhập thấp và không đủ khả năng tạo lập nhà ở theo cơ chế thị trường. Bên cạnh đó cũng cho thấy, các chính sách về phát triển nhà ở xã hội ngày càng được hoàn thiện hơn.

Sau khi Chiến lược nhà ở quốc gia được phê duyệt, được sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, sự vào cuộc của các địa phương và các doanh nghiệp, đã có nhiều dự án nhà ở xã hội được triển khai, cho thấy các chính sách được ban hành đã đi vào cuộc sống, được người dân quan tâm và đặt nhiều kỳ vọng. Việc đáp ứng được kỳ vọng của người dân hay không là trách nhiệm của Chính phủ, các Bộ ngành và các địa phương.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, nhu cầu về nhà ở xã hội là rất lớn, tuy nhiên việc đáp ứng còn chậm. Do vậy để thúc đẩy việc xây dựng nhà ở xã hội, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 188/2013/NĐ-CP năm 2013 về phát triển nhà ở xã hội để huy động sự tham gia của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân trong công tác này.

Để thực hiện tốt chủ trương đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, thực hiện Chiến lược nhà ở quốc gia, cũng như Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2012-2020 và định hướng đến năm 2030 của thành phố Hà Nội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 996/QĐ-TTg ngày 19/6/2014, Bộ trưởng Trịnh Đình

Dũng chỉ đạo các cơ quan chức năng của Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong việc hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách phát triển nhà ở xã hội, cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp làm nhà ở xã hội.

Thành phố Hà Nội cần tiếp tục rà soát Chương trình phát triển nhà ở, xác định rõ mục tiêu và lộ trình thực hiện trong 5 năm, 10 năm để xây dựng kế hoạch cụ thể cho hàng năm và từng giai đoạn; Tiếp tục rà soát quy hoạch phát triển nhà ở, đặc biệt là nhà ở xã hội gắn với quy hoạch giao thông công cộng; rà soát các dự án đã giao và tạo điều kiện cho việc chuyển đổi các dự án nhà ở thương mại sang nhà ở xã hội; duy trì hoạt động của Tổ công tác liên ngành giữa Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng Hà Nội.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, việc phát triển nhà ở xã hội không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân, mà còn tạo điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và xây dựng văn minh đô thị, tạo điều kiện và động lực tốt hơn cho phát triển kinh tế. Đối với Hà Nội, việc xây dựng các khu nhà ở xã hội hiện đại, tiện nghi với cảnh quan môi trường trong lành còn góp phần thu hút, giãn dân trong các khu phố cổ, các chung cư cũ, giảm áp lực cho khu vực đô thị trung tâm.

Minh Tuấn

Hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư vào Cu-ba

Ngày 04/9/2014 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng, Bộ Ngoại thương và Đầu tư nước ngoài Cu-ba và Đại sứ quán Cu-ba tại Việt Nam đã phối hợp tổ chức Hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư vào Cu-ba. Bộ trưởng Bộ Ngoại thương và Đầu tư nước ngoài Cu-ba Rodrigo Malmierca Diaz và Thứ trưởng Bộ Xây dựng Việt Nam Lê Quang Hùng đã đến dự, phát biểu tại Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có ông Herminio Lopez

Diaz, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa Cuba tại Việt Nam; bà Yanet Vazquez Valdes, Phó Tổng Giám đốc Văn phòng phát triển đặc khu Mariel; các đại biểu đến từ các Bộ, ngành Trung ương của Việt Nam; đại diện các hiệp hội doanh nghiệp, các tập đoàn, tổng công ty lớn của Việt Nam và Cu-ba.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng đã bày tỏ vui mừng

trước quan hệ hợp tác hữu nghị đặc biệt giữa Việt Nam và Cu-ba trong những năm qua không ngừng được thắt chặt và tăng cường, thể hiện thông qua việc trao đổi các đoàn cấp cao và lãnh đạo của hai nước.

Thứ trưởng Lê Quang Hùng cho biết, với tư cách là cơ quan thường trực phía Việt Nam của Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam – Cu-ba, trong thời gian qua Bộ Xây dựng luôn quan tâm chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ban, ngành và doanh nghiệp Việt Nam thực hiện tốt các cam kết trong khuôn khổ hợp tác Ủy ban liên Chính phủ. Đặc biệt, trong chuyến thăm chính thức Cu-ba của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam vào tháng 3/2014, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Việt Nam Trịnh Đình Dũng và Bộ trưởng Bộ Ngoại thương và Đầu tư Nước ngoài Cu-ba đã ký Chương trình Nghị sự kinh tế song phương trung hạn Việt Nam – Cu-ba. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng nhằm để thúc đẩy hoạt động hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư từng bước phát triển tương xứng với quan hệ chính trị ngoại giao tốt đẹp giữa hai nước trong thời gian qua.

Theo Thứ trưởng Lê Quang Hùng, việc tổ chức Hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư vào Cuba hôm nay là một trong những hoạt động thiết thực nhằm triển khai thực hiện chương trình nghị sự song phương đã ký giữa hai bên, là diễn đàn quan trọng để các cơ quan, doanh nghiệp, hiệp hội Việt Nam có dịp cập nhật các chính sách đầu tư quan trọng của Cuba cũng như những ưu đãi đặc biệt khi tham gia đầu tư tại Đặc khu phát triển Mariel, tìm hiểu sâu hơn về cơ hội đầu tư tại Cuba.

Tại Hội thảo, Bộ trưởng Bộ Ngoại thương và Đầu tư nước ngoài Cu-ba Rodrigo Malmierca Diaz, Chủ tịch phân ban Cu-ba trong Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam – Cu-ba đã trực tiếp giới thiệu với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, các tổ chức hiệp hội và các cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam về những tiềm năng và cơ hội đầu tư ở Cu-ba, những chính sách mới của Cu-ba đối với thu hút đầu tư nước ngoài sau



Thứ trưởng Lê Quang Hùng phát biểu khai mạc Hội thảo

khi Luật Đầu tư nước ngoài mới (Luật số 118) được ban hành vào tháng 4/2014 vừa qua. Bên cạnh đó, bà Yanet Vazquez Valdes sẽ giới thiệu về chính sách ưu đãi đầu tư tại Đặc khu phát triển Mariel.

Nước Cộng hòa Cu-ba, thủ đô là La Habana có tổng diện tích 109.884 km², dân số 11.167.325 người, bao gồm 15 tỉnh với 168 quận, bao gồm cả quận đảo đặc biệt Đảo Thanh niên. Cu-ba hiện nay có quan hệ ngoại thương với toàn cầu, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là châu Mỹ (55%), châu Âu (27%), châu Á (15%), Trung Đông, châu Phi và châu Đại Dương (3%). Trong quan hệ thương mại quốc tế, Cu-ba xuất khẩu các sản phẩm đường, xi gà, rượu rum, dược phẩm và các sản phẩm công nghệ sinh học, du lịch, dịch vụ y tế và các dịch vụ chuyên môn khác, đồng thời nhập khẩu khoáng sản, nhiên liệu; lương thực - thực phẩm, máy móc thiết bị và phụ tùng

Bộ trưởng Rodrigo Malmierca Diaz cho biết, hiện nay, Cu-ba đang tiến hành quá trình cập nhật mô hình kinh tế, trên cơ sở đường lối chính sách kinh tế và xã hội của Đảng và Cách mạng, đã được thảo luận rộng rãi và được nhân dân ủng hộ. Chính phủ Cu-ba quyết tâm đặt trọng tâm vào việc thu hút nguồn lực từ bên ngoài thông qua tín dụng dài hạn và đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, bởi nguồn lực tiết kiệm trong nước là không đủ để có thể đạt được tỷ lệ tích lũy trên 20% cho phép gia tăng một cách bền



Bộ trưởng Bộ Ngoại thương và Đầu tư nước ngoài Cu-ba Rodrigo Malmierca Diaz giới thiệu về môi trường kinh doanh và Luật Đầu tư nước ngoài mới của Cu-ba tại Hội thảo

vững nhịp độ tăng trưởng GDP. Nhằm đạt mục tiêu này, Cu-ba đã xác định một chính sách mới về thu hút đầu tư nước ngoài trong từng lĩnh vực cụ thể. Ngoài ra, Cu-ba đã ban hành một khuôn khổ pháp lý mới cho việc thu hút đầu tư nước ngoài, mà nền tảng là Luật Đầu tư nước ngoài mới vừa được Quốc hội Cu-ba thông qua. Cu-ba cũng đồng thời thừa nhận tầm quan trọng của việc thúc đẩy hình thành các Đặc khu phát triển, được bắt đầu bằng việc thành lập đặc khu phát triển Mariel với các điều kiện logistics và vị trí địa lý thuận lợi sau khi đã tiến hành đầu tư cải tạo và mở rộng cảng biển Mariel. Đặc khu được hưởng chế độ đặc biệt hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Đây là một sự đổi mới căn bản về quan điểm cũng như chính sách thu hút đầu tư nước ngoài với nhiều cơ chế ưu đãi dành cho nhà đầu tư nước ngoài. Theo đó, Cu-ba coi đầu tư nước ngoài như là một thành phần tích cực và căn bản đối với sự tăng trưởng của một số lĩnh vực và hoạt động kinh tế. Cu-ba định hướng thu hút đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực sản xuất hàng hóa xuất khẩu và thay thế nhập khẩu, cũng như xóa bỏ những tắc nghẽn trong chuỗi sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hiện đại hóa, phát triển cơ sở hạ tầng và đổi mới công nghệ. Đối với các lĩnh vực của nền kinh tế, Cu-ba xây dựng danh mục những lĩnh vực



Các đại biểu dự Hội thảo

khuyến khích đầu tư nước ngoài với những điều kiện cụ thể và danh mục dự án kêu gọi đầu tư.

Bộ trưởng Rodrigo Malmierca Diaz cho biết, mặc dù có những trở ngại và hạn chế do bị bao vây cấm vận, nợ nước ngoài và thiếu hụt ngoại tệ cũng như những sai lầm về chính sách phát triển kinh tế trong quá khứ, nhưng Cu-ba hiện nay có thể nói là môi trường thích hợp đối với các nhà đầu tư. Với những điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, sự ổn định về chính trị- xã hội, hệ thống pháp lý an toàn và minh bạch, nhân công có trình độ chuyên môn cao và những chính sách ưu đãi khuyến khích mới đối với đầu tư nước ngoài, Cu-ba sẽ là môi trường kinh doanh thuận lợi đối với nhà đầu tư nước ngoài. Nhà nước Cu-ba đảm bảo sự bảo hộ đầy đủ và an toàn cho hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài, cũng như cho phép nhà đầu tư nước ngoài tự do chuyển ra nước ngoài lợi nhuận hoặc lợi tức nhận được từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Cu-ba...

Tại Hội thảo, các tổ chức, doanh nghiệp của Việt Nam đã trao đổi với phía Cu-ba nhiều vấn đề liên quan đến chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của Cu-ba, như thời gian thẩm định, cấp phép cho dự án, việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất; thời hạn sử dụng đất; các chính sách thuế đối với vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị nhập khẩu phục vụ dự án đầu tư... Tất cả những câu hỏi và những vấn đề quan tâm của các cơ quan, đơn vị của Việt Nam đã được Bộ

trưởng Rodrigo Malmierca Diaz và bà Yanet Vazquez Valdes trao đổi và giải đáp cụ thể.

Hội thảo là diễn đàn quan trọng để các doanh nghiệp Việt Nam có dịp cập nhật các chính sách đầu tư của Cuba, tìm hiểu sâu hơn

về cơ hội đầu tư cũng như những ưu đãi đặc biệt khi tham gia đầu tư tại đặc khu Mariel Cu-ba.

Minh Tuấn

Kinh nghiệm về hệ thống tài chính nhà ở của một số nước trên thế giới

Phiên họp toàn thể lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (Hội nghị Trung ương 3) khóa XVIII diễn ra tại Bắc Kinh đã đề xuất việc nghiên cứu xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ cấu tài chính về nhà ở. Tháng 4 năm 2014, dưới sự chủ trì của Thủ tướng Lý Khắc Cường tại cuộc họp Thường vụ của Quốc Vụ viện cũng chỉ rõ, Ngân hàng phát triển quốc gia là cơ quan chuyên trách, thực hiện hoạch toán riêng, thông qua phương thức thị trường hóa phát hành trái phiếu nhà ở, ngân hàng này đã hỗ trợ tích cực trong việc xây dựng các dự án hạ tầng cơ sở và nhiều dự án khác tại Trung Quốc. Hiện nay, Ngân hàng phát triển quốc gia đang chính thức đẩy mạnh bộ phận tài chính nhà ở.

Để góp phần thực hiện tốt mục tiêu công việc trên, tác giả bài viết đã có nghiên cứu và thực hiện so sánh hệ thống tài chính nhà ở của một số nước như Đức, Singapo, Nhật Bản, Anh và Hồng Kông. Qua đó, đã phát hiện ra: hệ thống tài chính nhà ở của một số nước tuy có một số điểm khác biệt, nhưng nhìn chung là giống nhau, đều có chung mục tiêu đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân trong khu vực ở mức cao nhất, có hiệu quả thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

1. Hệ thống ngân hàng tiết kiệm tiền gửi mua nhà của CHLB Đức

Hệ thống ngân hàng tiết kiệm tiền gửi mua nhà của Đức luôn hướng đến mục tiêu tự nguyện tiết kiệm và hỗ trợ lẫn nhau, kết hợp cùng với những chính sách ưu đãi của Chính

phủ. Một mặt, người gửi tiết kiệm sẽ ký hợp đồng tiết kiệm tiền gửi mua nhà với phía ngân hàng. Trước tiên, giữa người có nhu cầu về nhà ở và ngân hàng sẽ cùng tiến hành trong một khoảng thời gian với một số tiền gửi nhất định (thường là diễn ra từ 5 - 7 năm, khi khoản tiền gửi đạt 50% giá trị căn nhà). Sau khi đã đạt các điều kiện cho vay, người gửi tiết kiệm sẽ được vay một khoản tiền để mua nhà và tu sửa. Ngoài ra, để khuyến khích người dân tham gia tiết kiệm, Chính phủ còn hỗ trợ 10% trong tổng số tiền mua nhà, đồng thời còn thực hiện nhiều loại chính sách miễn giảm thuế khác nhau.

Đặc điểm chủ yếu của hệ thống ngân hàng tiết kiệm tiền gửi mua nhà của Đức: *Một là*, luôn đảm bảo an toàn việc sử dụng vốn. Ngân hàng sẽ căn cứ vào quy định riêng biệt đã được thiết lập, ngoài chức năng tiết kiệm tiền gửi mua nhà ra không được phép tham gia vào bất kỳ dịch vụ tài chính nào khác. Đồng thời, tuy ngân hàng tiết kiệm tiền gửi mua nhà của Đức phụ thuộc vào cơ cấu chính sách tài chính, nhưng họ lại lựa chọn mô hình quản lý doanh nghiệp hóa. Đó là hạn chế tính cứng nhắc về quản lý tài sản và rủi ro, có lợi trong việc quản lý hành vi đối với bên chịu trách nhiệm tín dụng, giảm chi phí kinh doanh, tránh việc đưa ra các quyết sách mù quáng và nâng cao hiệu quả kinh doanh. *Hai là*, cơ chế cho vay hợp lý, quyền và nghĩa vụ của người gửi tiết kiệm rất rõ ràng. Cơ chế này xem như là “phản ngược” đối với người gửi tiết kiệm, bắt người gửi tiết kiệm phải căn cứ vào năng lực thực tế của mình để lựa chọn định mức tiền gửi,

như vậy vừa tránh được rủi ro tín dụng, vừa là cơ chế sàng lọc, từ đó sẽ quyết định đến việc cho vay, đảm bảo các khoản cho vay được phân bổ công khai và công bằng. *Ba là*, hệ thống vận hành có tính độc lập và khép kín. Sắp xếp và cách ly giữa thị trường tiết kiệm tiền gửi mua nhà và thị trường cho vay vốn khác, như vậy sẽ đảm bảo được thị trường tiết kiệm tiền gửi mua nhà được ổn định và dài hạn, tránh được những biến động lớn phát sinh từ nền kinh tế.

2. Hệ thống quỹ nhà ở của Singapore

Căn cứ vào phân chia quyền và tài sản, hệ thống nhà ở của Singapore được phân thành 2 loại tài sản, đó là: nhà ở của Nhà nước và của tư nhân. Trong đó, nhà ở của nhà nước chiếm phần lớn trong thị trường bất động sản của Singapore, đồng thời, đảm bảo các chức năng của nhà ở.

Mọi vấn đề liên quan tới nhà ở thuộc Nhà nước đều do Ban phát triển nhà ở Singapore (HDB) chịu trách nhiệm. Đây là bộ phận cốt lõi, có khả năng vận hành tài chính và cơ chế chính sách rất hiệu quả. Chính phủ Singapore hỗ trợ cho Ban phát triển nhà ở thể hiện ở một số khía cạnh sau: *Một là*, ban hành “Luật trung dụng đất đai”, quy định về việc Chính phủ có quyền trung dụng đất của tư nhân để dùng vào việc xây dựng quốc gia. Căn cứ vào Luật này, Ban phát triển nhà ở có thể trung dụng đất tại bất cứ nơi nào trên đất nước Singapore, giá đất bị trung dụng sẽ do Nhà nước quyết định, không phụ thuộc vào cá nhân hay thị trường. Vì vậy, Ban phát triển nhà ở luôn trung thu được đất có giá rẻ hơn giá thị trường. Từ đó, luôn đảm bảo được lượng nhà ở thuộc nhà nước với quy mô lớn. *Hai là*, Chính phủ có thể cung cấp cho Ban phát triển nhà khoản vay với lãi suất thấp, thấp hơn giá thị trường đến 0,51% để xây dựng nhà ở cho Nhà nước. *Ba là*, Ban phát triển nhà ở không những có trách nhiệm trong việc xây dựng, cho thuê, bán nhà ở thuộc Nhà nước, mà còn có trách nhiệm xây dựng cơ sở hạ tầng và quản lý bảo trì bao quanh khu vực nhà ở. Vì

vậy, trong công tác dự trù tài chính hàng năm, Chính phủ luôn bố trí một khoản trợ cấp đặc biệt dùng cho những việc này.

Pháp luật Singapore quy định, tất cả những công dân của Singapore và những cư dân có hộ khẩu thường trú tại Sing, đều nhất thiết phải tham gia tích cực vào kế hoạch tiết kiệm tiền gửi quỹ nhà ở. Hiện nay, hàng tháng tiền gửi vào quỹ tiết kiệm nhà ở chiếm khoảng 10% mức thu nhập của người dân. Số tiền gửi vào quỹ nhà ở, không những đảm bảo thuận lợi trong việc xây dựng hệ thống nhà ở của Nhà nước, mà cư dân Singapore còn có thể trích một phần quỹ cơ bản để hỗ trợ cho việc mua nhà ở của Nhà nước. Như vậy cũng giúp người dân giảm phần nào những gánh nặng có liên quan.

3. Hệ thống công ty cho vay tài chính nhà ở của Nhật Bản

Năm 1950, Nhật Bản ban hành “Luật Công ty cho vay tài chính nhà ở”. Phạm vi kinh doanh chủ yếu của Công ty cho vay vốn nhà ở của Chính phủ (GHLC) là tạo ra các khoản cho vay dài hạn, với lãi suất thấp dành cho xây dựng hoặc mua nhà, nhằm bảo đảm cho mọi người dân có thể có được nhà ở phù hợp với điều kiện thu nhập của mình.

Chức năng chính của hệ thống GHLC là cơ cấu tương đối độc lập, tách rời với cơ quan hành chính và Chính phủ; có tính chuyên nghiệp cao, không thực hiện quản lý hành chính, cũng không vì mục đích lợi nhuận; vốn đầu tư do nhu cầu thị trường quyết định.

Phần lớn số vốn của GHLC được huy động từ hệ thống trái phiếu tiết kiệm, tiết kiệm bưu điện và tiền trợ cấp bảo hiểm hưu trí, trợ cấp từ tổng tài khoản của ngân sách quốc gia... 45 năm kể từ khi thành lập, GHLC đã xây dựng được 14,8 triệu căn hộ, chiếm 30% lượng nhà được xây dựng từ khi kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ II ở Nhật Bản. Số tiền cho vay của GHLC chiếm 60% giá trị căn hộ. GHLC có số người vay thế chấp lớn nhất thế giới.

4. Mô hình PPP của Vương quốc Anh

Nước Anh có một hệ thống nhà ở giá rẻ phát triển tương đối hoàn chỉnh và mô hình PPP (mô hình đối tác công - tư) chiếm một vị trí quan trọng trong hệ thống tài chính.

Mô hình cơ bản để xây dựng nhà ở giá rẻ của Anh là: Chính quyền Trung ương cung cấp các khoản trợ cấp, chính quyền địa phương có trách nhiệm đầu tư, lập kế hoạch và quản lý nhà ở giá rẻ, Cục quản lý nhà thuộc chính quyền địa phương sẽ là bộ phận chịu trách nhiệm. Việc xây dựng nhà ở giá rẻ sẽ do các công ty tư nhân thực hiện. Ngoài ra, thông qua Hiệp hội nhà ở và các nhà đầu tư bất động sản xã hội được Chính phủ cấp phép (RSL)... Chính phủ Anh còn đưa ra một số chính sách ưu đãi như: các khoản vay lãi suất thấp, trợ cấp tài chính... Đây được xem như là chính sách bắt buộc trong mô hình PPP và cũng đảm bảo đáp ứng nhu cầu cơ bản của người dân.

Đặc điểm chủ yếu của mô hình PPP là: Thứ nhất, Chính phủ có thể đảm bảo xây dựng nhà ở với chi phí rẻ; thứ 2, Chính phủ và tư nhân cùng có lợi; thứ 3, phân công rõ ràng, chính quyền trung ương cung cấp các khoản hỗ trợ, chính quyền địa phương chịu trách nhiệm đầu tư, quy hoạch và quản lý, công ty tư nhân thực hiện xây dựng.

5. Mô hình Quỹ tín thác bất động sản (REITs) của Hồng Kông

Sự ra đời của REITs là vào thế kỷ XIX tại nước Mỹ, nhưng đến sau năm 70 của thế kỷ XX thì mới chính thức bước vào giai đoạn phát triển

cao độ. Hiện nay, REITs đang rất phổ biến trong các thị trường kinh tế và chứng khoán ở nhiều các quốc gia và khu vực phát triển như: Mỹ, Châu Âu, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Hồng Kông... đồng thời, cũng tập hợp được lượng lớn nguồn vốn dùng cho việc đầu tư và xây dựng bất động sản.

Đặc điểm chính của REITs tại đặc khu Hồng Kông: *một là*, hạn chế lĩnh vực đầu tư. Quy định đầu tiên của REITs là chỉ đầu tư vào bất động sản tại Hồng Kông, trong khi các quốc gia và khu vực khác không có quy định giống như vậy. Sau nhiều năm thực hiện ổn định, những hạn chế của REITs tại Hồng Kông đã được hủy bỏ; *hai là*, trong “Quy định chung Quỹ tín thác bất động sản” của Hồng Kông đã quy định rõ, các loại hình tài sản và nguồn thu nhập của REIT phải được gắn liền với bất động sản và tối thiểu 90% thu nhập chịu thuế phải được phân phối cho cổ đông dưới dạng cổ tức, đây là yêu cầu tương đối khác nghiệt; *ba là*, REITs cơ bản phát triển là do ưu đãi về thuế, nhưng ở Hồng Kông, do REITs phải đối mặt với việc đánh thuế 2 lần, vì vậy, các yếu tố chính vẫn là hoạt động thị trường và tỷ lệ lợi nhuận cao.

Quách Liêm

Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu phát triển tài chính, ngân hàng phát triển quốc gia
Nguồn: <http://newsccn.com>

ND: Bích Ngọc

Tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc: Đẩy mạnh tận dụng tổng hợp nước mưa tại đô thị

Về vấn đề nước mưa liệu có thể thu gom để sử dụng cho xanh hóa, rửa xe hay bổ sung cho hệ thống điều hòa không khí hay không? Gần đây, Sở Nhà ở và xây dựng đô thị - nông thôn Khu tự trị dân tộc Choang tỉnh Quảng Tây đã đưa ra “Ý kiến Chỉ đạo công tác xây dựng công trình tận dụng nước mưa tại các công trình xây

dựng, các tiểu khu và cơ sở hạ tầng đô thị” (dưới đây viết tắt là “Ý kiến”). “Ý kiến” xác định, trong tương lai, các hạng mục xây dựng như công trình trọng điểm, hạng mục công ích do Chính phủ đầu tư, công trình xanh... đều cần xây dựng hệ thống tận dụng nước mưa; khích lệ các công trình xây mới, cải tạo xây dựng và mở

rộng xây dựng bố trí hệ thống tận dụng nước mưa; kích lệ các hạng mục đã xây xong tích cực lựa chọn biện pháp để tiến hành cải tạo tận dụng thu gom nước mưa. Việc tận dụng tài nguyên nước mưa tại đô thị của tỉnh Quảng Tây sẽ đem lại những ảnh hưởng tích cực tới đời sống của người dân, môi trường sinh thái, vấn đề ngập lụt... tại đô thị.

Tiềm lực lớn trong việc tận dụng nước mưa đô thị của tỉnh Quảng Tây

“Ý kiến” nêu rõ, trong giai đoạn “Năm năm lần thứ XII” cần đẩy nhanh thực hiện xử lý môi trường nước, cần chuyển đổi từ tận dụng một chiều trong khai thác, phát thải tài nguyên nước sang tận dụng tuần hoàn, tận dụng tổng hợp tài nguyên này; thực hiện chuyển đổi từ việc dựa vào nguồn nước từ xa chuyển tới tận dụng tuần hoàn nguồn nước tại chỗ, thực hiện không phát thải.

Quảng Tây thuộc khu vực khí hậu cận nhiệt đới gió mùa, là một trong những tỉnh có lượng nước mưa phong phú nhất Trung Quốc, do đó tiềm lực tận dụng nước mưa là rất lớn. Những năm gần đây, Quảng Tây từng bước triển khai xây dựng các doanh nghiệp, các đô thị theo kiểu tiết kiệm nước và đã thu được những thành công bước đầu. Tuy nhiên, công tác tận dụng nước mưa tại đô thị của Quảng Tây vừa mới bắt đầu, tiền đầu tư xây dựng còn thiếu thốn, chính sách không hoàn thiện, việc xây dựng tài nguyên hóa và tận dụng nước mưa không được mở rộng và đi sâu, lợi ích về môi trường không được phát huy đầy đủ. Hiện tại, chỉ có một số ít địa phương tiến hành thử nghiệm một số công trình xanh, nước mưa cơ bản đều trực tiếp chảy ra các sông, suối, ao, hồ... thông qua các đường ống thoát nước, gây ra tình trạng lãng phí tài nguyên nước.

Theo Phòng Xây dựng đô thị thuộc Sở Nhà ở và xây dựng đô thị - nông thôn Khu tự trị dân tộc Choang tỉnh Quảng Tây, đa số các khu vực của tỉnh này đều có lượng nước mưa bình quân hàng năm từ 1.300 mm - 2.000 mm, lượng nước

bề mặt bốc hơi hàng năm từ 1.500 mm - 2.800 mm. Lượng nước bốc hơi lớn như vậy nên cần bổ sung lượng nước khá lớn. Đặc biệt, tại một số đô thị thiếu nước phía Tây Bắc tỉnh Quảng Tây, việc tận dụng nước mưa là con đường quan trọng nhằm bổ sung trực tiếp hoặc gián tiếp cho nguồn nước tại đô thị.

Tận dụng nước mưa kết hợp với thực thi quy hoạch

“Ý kiến” nêu rõ, việc xây dựng cơ sở hạ tầng thu gom, tận dụng nước mưa cần kết hợp thực hiện cùng với hạng mục quy hoạch thoát nước, thoát lụt tại đô thị.

Việc thu gom, tận dụng nước mưa là một biện pháp quan trọng để cải thiện môi trường nước và duy trì hệ sinh thái xanh tại đô thị. Cùng với sự phát triển của đô thị, diện tích không thấm nước tại các con đường, các công trình cư trú... không ngừng tăng lên đã khiến cho lượng nước mưa rơi xuống để thấm thấu tại đô thị ngày càng giảm, lượng nước mưa càng tăng cao, thời gian các dòng chảy gặp nhau càng được rút ngắn khiến nguy cơ ngập úng tại đô thị tăng lên. Sự phát triển đô thị cũng kéo theo rất nhiều những nguy hại về môi trường như lượng thất thoát tài nguyên nước mưa tăng lên, mức độ ô nhiễm nước mưa gia tăng, lượng nước ngấm giảm, môi trường sinh thái đô thị ô nhiễm... “Ý kiến” xác định, đối với các hạng mục xây mới, cải tạo xây dựng và mở rộng xây dựng đều phải xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, tận dụng nước mưa, tiến hành cho thấm thấu tại chỗ nước mưa hay thu gom, trực tiếp tận dụng hoặc quy định thoát thải nhằm thực hiện tận dụng tổng hợp nguồn nước mưa; Những vùng đất xanh tại công viên đã hoàn thành xây dựng nếu có điều kiện địa điểm xây dựng hệ thống thu gom nước mưa thì nên bổ sung xây dựng hệ thống này.

Thông qua các biện pháp mang tính công trình có thể thu gom được lượng nước mưa khá sạch từ mái nhà, từ mặt đất... Qua xử lý, nước mưa có thể dùng để bổ sung nước cho các ao,

hỗ cảnh quan, dùng làm xanh hóa, dùng để rửa xe hay bổ sung cho hệ thống điều hòa không khí. Ngoài ra có thể thông qua các hệ thống thoát xả hay cho thấm xuống đất để giảm áp lực cho hệ thống đường ống thoát nước, từ đó giảm thiểu những nguy cơ ngập úng trong đô thị.

Tận dụng nước mưa kết hợp với xây dựng đồng bộ các hạng mục

“Ý kiến” đã nêu, hệ thống tận dụng nước mưa cần được thiết kế, thi công và đưa vào sử dụng đồng thời với công trình chủ thể.

Nước mưa là món quà mà thiên nhiên đã ban tặng cho con người. Nước mưa có được hoàn toàn miễn phí, hơn nữa điều kiện chất lượng nước cũng khá tốt do đó nó được coi là tài nguyên nước có giá trị tận dụng cao nhất. Tuy nhiên, lợi ích kinh tế của nước mưa khá thấp, tính tích cực của xã hội không cao đã khiến việc đẩy mạnh tận dụng tổng hợp nước mưa tại đô thị gặp nhiều trở ngại.

Vì vậy, “Ý kiến” đã xác định, việc tận dụng nước mưa cần kết hợp với các hạng mục xây dựng đồng bộ. Các đơn vị xây dựng khi biên soạn các báo cáo nghiên cứu tính khả thi của hạng mục cần tiến hành nghiên cứu chuyên đề về tính khả thi của việc tận dụng nước mưa của công trình. Đơn vị thiết kế cần căn cứ nghiêm chỉnh theo các nội dung và tiêu chuẩn có liên quan để tiến hành quy hoạch, thiết kế. Đơn vị thẩm tra bản vẽ thi công cần căn cứ theo các tiêu chuẩn và quy phạm kỹ thuật có liên quan để tiến hành thẩm tra đối với nội dung thiết kế

có liên quan tới hệ thống nước mưa trong hạng mục. Nội dung đề cập đến hệ thống nước mưa trong hạng mục xây dựng cần đưa vào trong hợp đồng thi công. Trong quá trình thi công hạng mục, đơn vị xây dựng, đơn vị thi công, đơn vị giám sát cần căn cứ nghiêm ngặt theo các văn kiện thiết kế thẩm tra đạt chuẩn và các nội dung ký kết trong hợp đồng để tiến hành thi công, giám sát. Trong trường hợp tự ý thay đổi thiết kế, đơn vị xây dựng sẽ không được tổ chức hoàn công, nghiệm thu.

Ngoài ra, công tác xây dựng công trình tận dụng nước mưa sẽ được đưa vào phạm vi đánh giá của các cơ quan chủ quản địa phương. Xây dựng cơ chế khen thưởng, xác định kinh phí khen thưởng cho công trình tận dụng nước mưa của các hạng mục xây mới (cải tạo, mở rộng xây dựng) và đã hoàn thành xây dựng từ trong đầu tư tài chính công hoặc kênh tài chính xây dựng đô thị hiện có. Thông qua khích lệ tài chính để dẫn dắt cơ chế thị trường phát huy tác dụng.

Tỉnh Quảng Tây cũng chuẩn bị biên soạn “Quy trình Kỹ thuật công trình tận dụng nước mưa đô thị”, “Quy phạm Thiết kế công trình tận dụng nước mưa trong các công trình xây dựng, các tiểu khu và các đô thị”... nhằm chỉ đạo và quy phạm công tác tận dụng nước mưa đô thị tại các địa phương.

Đình Quốc Dụng

Nguồn: chinajsb.cn

ND: Kim Nhạn

Những lý do khiến các nhà phát triển nhà ở Trung Quốc không giảm giá

Mặc dù hiện nay lượng hợp đồng giao dịch nhà xây mới đang giảm dần, nhưng cho đến giờ phút này vẫn không có nhà phát triển nào giảm giá trên phạm vi cả nước. Tác giả bài viết đã thực hiện một cuộc phỏng vấn một số nhân viên bán hàng đang làm việc tại các công ty bất

động sản và được họ chia sẻ rằng: “Doanh nghiệp nào giảm giá chính là doanh nghiệp đó đang tự giết mình”. Dưới áp lực như vậy, các nhân viên này cũng phải đấu tranh suy nghĩ bằng cách nào không giảm giá mà vẫn bán được hàng. Một nhân viên khác cho biết trước

đây cũng đưa ra một phương án nhằm khuyến khích người mua “thanh toán trước 10%” tuy nhiên nhân viên này đã bị giám đốc công ty bắt dừng phương án này ngay lập tức. Ngoài những người mua nhà ra, thì các nhà phát triển cũng có thái độ bi quan về bất động sản. Tuy nhiên, vẫn có không ít nhà phát triển không chịu hạ giá, thậm chí họ còn liên minh với nhau thành tổ chức và kiên quyết giữ giá, do đó giá nhà vẫn cao. Nhưng vì sao nhà phát triển lại có thái độ kiên quyết như vậy? Có rất nhiều nguyên nhân.

1. Vấn đề ảo tưởng Nhà nước có thể kiểm soát vĩ mô

Từ trước đến nay Chính phủ Trung Quốc chưa bao giờ thực sự “công kích” vào bất động sản, mà bất động sản vẫn luôn là ngành công nghiệp trụ cột và đóng góp một phần không nhỏ vào nền kinh tế của đất nước. Các nhà phát triển không dám tin Chính phủ sẽ làm như vậy, do đó, họ luôn tin rằng Chính phủ không bao giờ để cho thị trường bất động sản chết, vì như thế đất nước cũng suy vong theo. Đặc biệt họ còn cho rằng chính sách hạn chế mua nhà mà Chính phủ đưa ra không thể tiếp tục triển khai trong thời gian dài.

2. Chi phí mở rộng và phát triển tăng

Nhiều nhà phát triển cho rằng chi phí cho bất động sản của họ cao, đồng thời chất lượng cũng cao. Vậy là họ có suy nghĩ, nếu thị trường bất động sản có biến cố, nhà phát triển bất động sản nào có thương hiệu, thì càng an toàn.

3. Nhà phát triển bất động sản lo lắng khi hạ giá sẽ gặp rắc rối với chủ sở hữu cũ

Nếu hiện nay các nhà phát triển đưa ra nhiều ưu đãi lớn về giá, thì ắt những chủ sở hữu cũ sẽ tìm đến và đòi bồi thường khoản giá chênh lệch trước đó so với giá hiện tại. Nên để tránh phiền phức, các nhà phát triển cho rằng cách tốt nhất là không giảm giá.

4. Các nhà phát triển tự tin vì hiểu rõ tâm lý người mua

Có lẽ cũng có một số nhà phát triển muốn giảm giá, nhưng họ lo lắng sau khi giảm giá, sẽ

khiến người có nhu cầu mua hình thành tư tưởng chờ đợi giảm giá xuống thấp hơn nữa. Tâm lý chỉ muốn mua hàng giảm giá chứ không chịu mua hàng tăng giá của người mua, các nhà phát triển đều hiểu rõ hơn ai hết, nên họ tin rằng, chỉ có duy trì theo hướng tăng giá nhà, thì mới tạo ra bầu không khí giao dịch. Các nhà phát triển cũng lo rằng, một khi giá nhà giảm, có thể bất động sản sẽ bị mắc kẹt trong vòng xoáy đó, từ đó hình thành cái vòng luẩn quẩn. Hiện nay, khi các nhà phát triển phải đối mặt với ảo tưởng của người dân, tuy họ nói họ không biết phải làm thế nào, nhưng họ vẫn tin rằng chỉ cần bán được là có lãi.

5. Các nhà phát triển sợ chính quyền địa phương

Nói đến chính quyền địa phương, các nhà phát triển cũng có nhiều bất mãn. Để mọi việc được thuận lợi, các nhà phát triển cũng hiểu rằng chỗ nào không chăm sóc tốt thì sẽ không làm được việc, chỉ vì cái gọi là “đầu tư tình cảm” với chính quyền địa phương, cuối cùng các nhà phát triển đã phải đổ dồn lên đầu người mua. Ngoài ra, có không ít lãnh đạo của chính quyền địa phương dựa vào các dự án đã bỏ túi được rất nhiều tiền. Vì vậy hầu hết các chính quyền địa phương đều không muốn tài nguyên đất trong khu vực mình quản lý lại để bỏ hoang, họ chỉ muốn đưa vào quy hoạch xây dựng càng nhiều càng tốt. Tuy nhiên, đáng buồn ở chỗ, quyền định giá của doanh nghiệp cũng bị cướp đoạt, như vậy làm sao họ có thể đảm bảo quyền được tồn tại.

6. Các nhà phát triển cho rằng giá đất quá cao

Trong những năm qua, một số chính quyền địa phương có thể nói là đang kinh doanh đất đai, bán đất để kiếm tiền. Để tăng doanh thu, một số địa phương đã thông qua phương thức “Thổi phồng quảng cáo”, giá đất tăng. Xuất phát từ đó làm cho giá đất, giá nhà rơi vào vòng xoáy tăng giá lên cao, khiến cho nền kinh tế vĩ mô dễ đối mặt với nguy cơ rủi ro, ảnh hưởng

đến cả người dân.

Ngoài ra, nghe qua thì giống như đây là lý do để các nhà phát triển không thể hạ giá, nhưng trên thực tế, đất dùng để xây dựng nhà ở, có nhiều nhà phát triển mua được từ trước với giá hợp lý. Tuy nhiên cũng có một số nhà phát triển do trước đây bị mua giá cao, cộng với việc do quản lý kém, không kiếm được nhiều lợi nhuận, nhưng điều đó không có nghĩa là họ sẽ bị thua lỗ.

7. Không nhà phát triển nào dám tiên phong trong việc giảm giá

Các nhà phát triển luôn cho rằng, thị trường bất động sản luôn là thị trường nóng nhất trên cả nước, bất khả chiến bại, bất khả xâm phạm. Họ luôn kiêu ngạo trước các ngành khác và luôn nghĩ: giống như một doanh nghiệp, nếu lỡ làm một việc gì đó ảnh hưởng đến uy tín trầm trọng, thì trong tương lai sẽ rất khó để mà ngẩng cao đầu, giá nhà cũng vậy, một khi đã xuống thì khó mà tăng. Kinh doanh ở lĩnh vực nào cũng đều có quy tắc riêng của lĩnh vực đó,

nhà phát triển nào, đặc biệt là những nhà phát triển nhỏ, nếu tiên phong trong việc giảm giá thì nhà phát triển đó sẽ dễ dàng mất chỗ đứng trên thị trường.

8. Những nhà phát triển thực hiện giảm giá đều gặp nhiều khó khăn

Những nhà phát triển đã thực hiện giảm giá hầu hết đều cho rằng họ phải đối mặt với vô vàn bất lợi, thậm chí họ không những được người mua đánh giá cao, mà còn bị cho là sắp phá sản nên mới phải giảm giá. Ngoài ra, chưa kể đến việc còn bị các đối tác đàm tiếu những điều không tốt. Có thể nói rằng, các nhà phát triển đang phải sống trong ảo tưởng và sợ hãi, tuy nói họ có lợi nhuận cao, nhưng suy cho cùng họ cũng rất đáng thương.

Lưu Quang Tử

Trang Thông tin xây dựng Trung Quốc

Nguồn: <http://newscn.com>

(Ngày 9/9/2014)

ND: Bích Ngọc

LỄ TRAO TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG VÌ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHO CHUYÊN GIA HÀN QUỐC

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2014



Thủ tướng Nguyễn Trần Nam trao Kỷ niệm chương Vì Sự nghiệp Xây dựng cho chuyên gia Hàn Quốc, ông Cha-Dong-Won, nhân dịp ông hoàn thành 3 năm công tác biệt phái tại Bộ Xây dựng



Thủ tướng Nguyễn Trần Nam và các cán bộ của Bộ Xây dựng chụp ảnh lưu niệm với ông Cha-Dong-Won